

SƠN HẢI PHÒNG
Chất lượng là sự sống còn

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HẢI PHÒNG

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2022



Số 12 Lạch Tray, Phường Lạch Tray, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng



[Http://sonhaiphong.com.vn](http://sonhaiphong.com.vn)



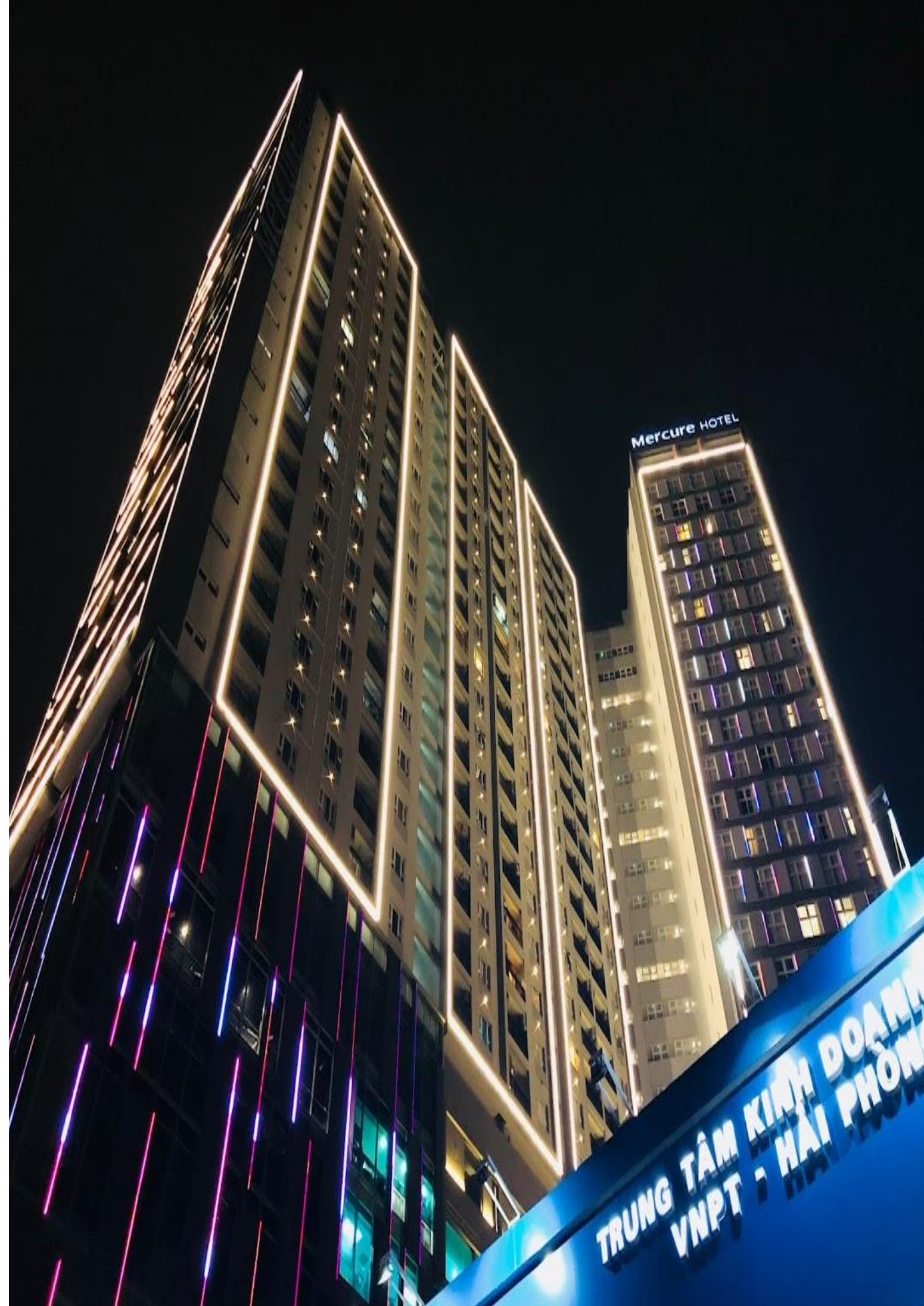
+84 225.3593681 – 3641121 – 3593682



SƠN HẢI PHÒNG
Chất lượng là sự sống còn

MỤC LỤC

- I. THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
- II. THÔNG TIN CHUNG
- III. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM
- IV. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
- V. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
- VI. QUẢN TRỊ CÔNG TY
- VII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2022



I. THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Thay mặt Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty cổ phần Sơn Hải Phòng (Sơn Hải Phòng), tôi xin gửi tới Quý vị cổ đông lời chào trân trọng nhất, chúc sức khỏe, hạnh phúc và thành công.

Năm 2022 nền kinh tế phải đối phó với những sóng gió hậu covid: Khủng hoảng năng lượng, lạm phát tăng cao, tín dụng thắt chặt. Kinh tế toàn cầu phải đối mặt với rủi ro suy thoái. Năm qua được dự báo là có thể tăng trưởng tốt hơn; tuy nhiên lại là năm có nhiều khó khăn, 6 tháng đầu năm giá dầu thô có lúc đã tăng đến 130 USD/thùng, đẩy giá vật tư tăng cao đột biến.

Sơn Hải Phòng không nằm ngoài vòng xoáy của những thách thức. Các loại vật tư đầu vào tăng từ 30 - 100%, dẫn đến giá vốn bán hàng so với doanh thu của Công ty năm 2022 tăng lên 86,2%, vượt 4% so với năm 2021. Tuy nhiên với sự cố gắng, nỗ lực của toàn thể CBCNV và ban lãnh đạo, Công ty đã giữ vững được doanh thu, đảm bảo được cổ tức cho cổ đông và thu nhập cho người lao động.

HĐQT đánh giá cao công tác điều hành của Ban Tổng Giám Đốc. Trước những diễn biến khó lường và thị trường bất ổn của năm qua, Ban Tổng Giám Đốc đã có những chỉ đạo kịp thời, sát sao để vừa đảm bảo sản xuất kinh doanh vừa đáp ứng yêu cầu của khách hàng và tiết kiệm tối đa chi phí nhằm đem lại hiệu quả cho công ty.

Với những giải pháp đồng bộ, kịp thời cùng sự đoàn kết của cán bộ nhân viên, sự tin tưởng của Quý cổ đông sẽ là những động lực lớn để công ty tiếp tục vươn lên khẳng định vị thế của mình, và chúng ta hoàn toàn tin tưởng vào sự thành công và phát triển của Sơn Hải Phòng trong giai đoạn mới, tạo dựng được vị thế vững chắc trên thị trường.

Xin chân thành cảm ơn Quý vị đã luôn ủng hộ và đồng hành cùng Sơn Hải Phòng trong thời gian qua, xin gửi đến Quý vị và gia đình lời chúc sức khỏe, an khang thịnh vượng!





II. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin chung

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

3. Mô hình quản trị và cơ cấu tổ chức

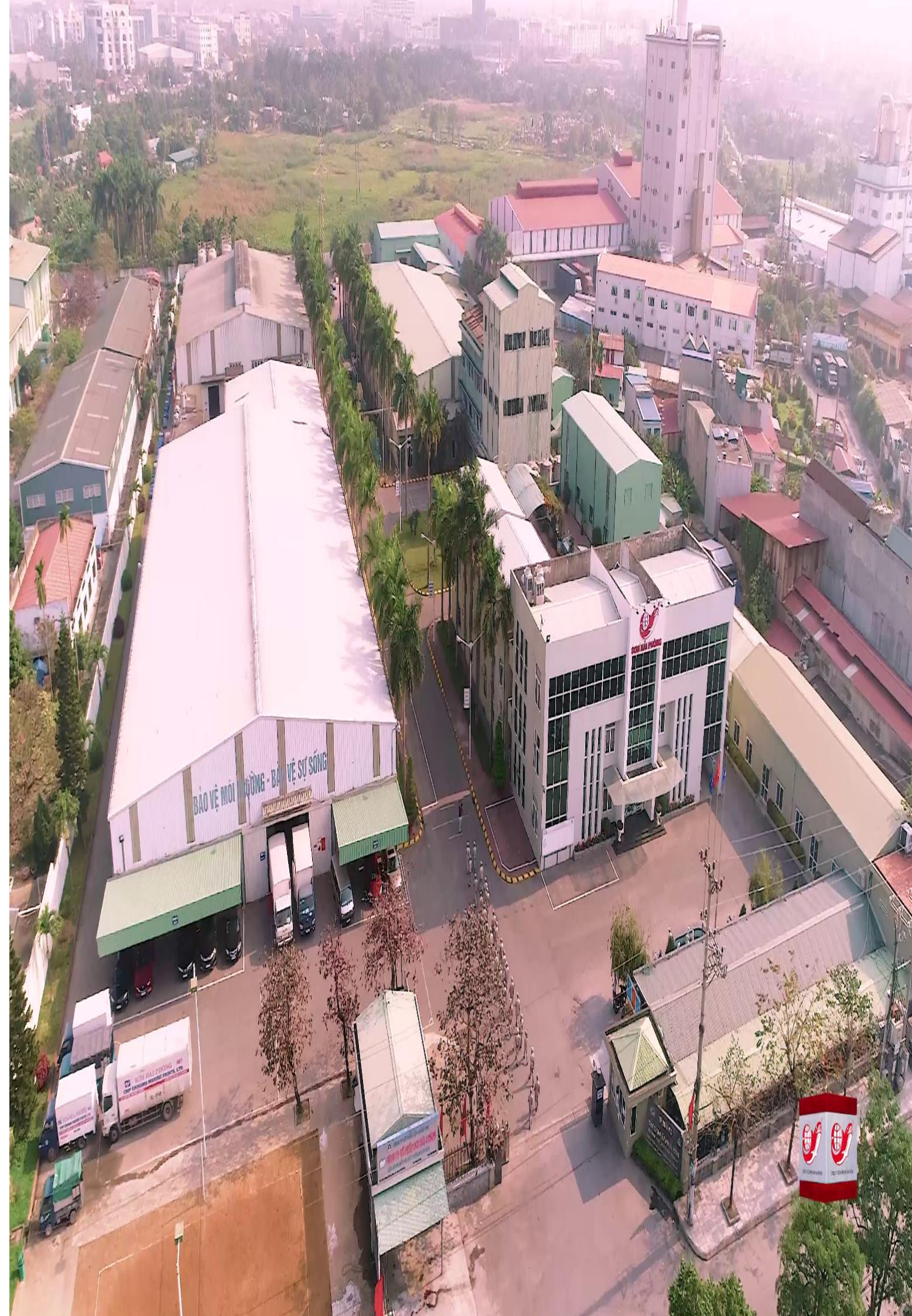
4. Giới thiệu ban lãnh đạo

5. Định hướng phát triển

6. Các nhân tố rủi ro

1. THÔNG TIN CHUNG

Tên giao dịch	Công Ty Cổ Phần Sơn Hải Phòng
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	0200575580
Vốn Điều lệ	80.071.770.000 đồng
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	80.071.770.000 đồng
Địa chỉ	Số 12 Lạch Tray, Phường Lạch Tray, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng
Số điện thoại	(84.225) 3593681 – 3593682
Website	http://sonhaiphong.com.vn
Mã cổ phiếu	HPP
Nơi niêm yết	Sàn giao dịch Upcom



1. THÔNG TIN CHUNG (TIẾP)

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Năm 1996: Bắt đầu hợp tác với Hãng sơn Chu-goku Marine Paint, hãng sơn hàng đầu của Nhật Bản về sơn tàu biển, công trình biển

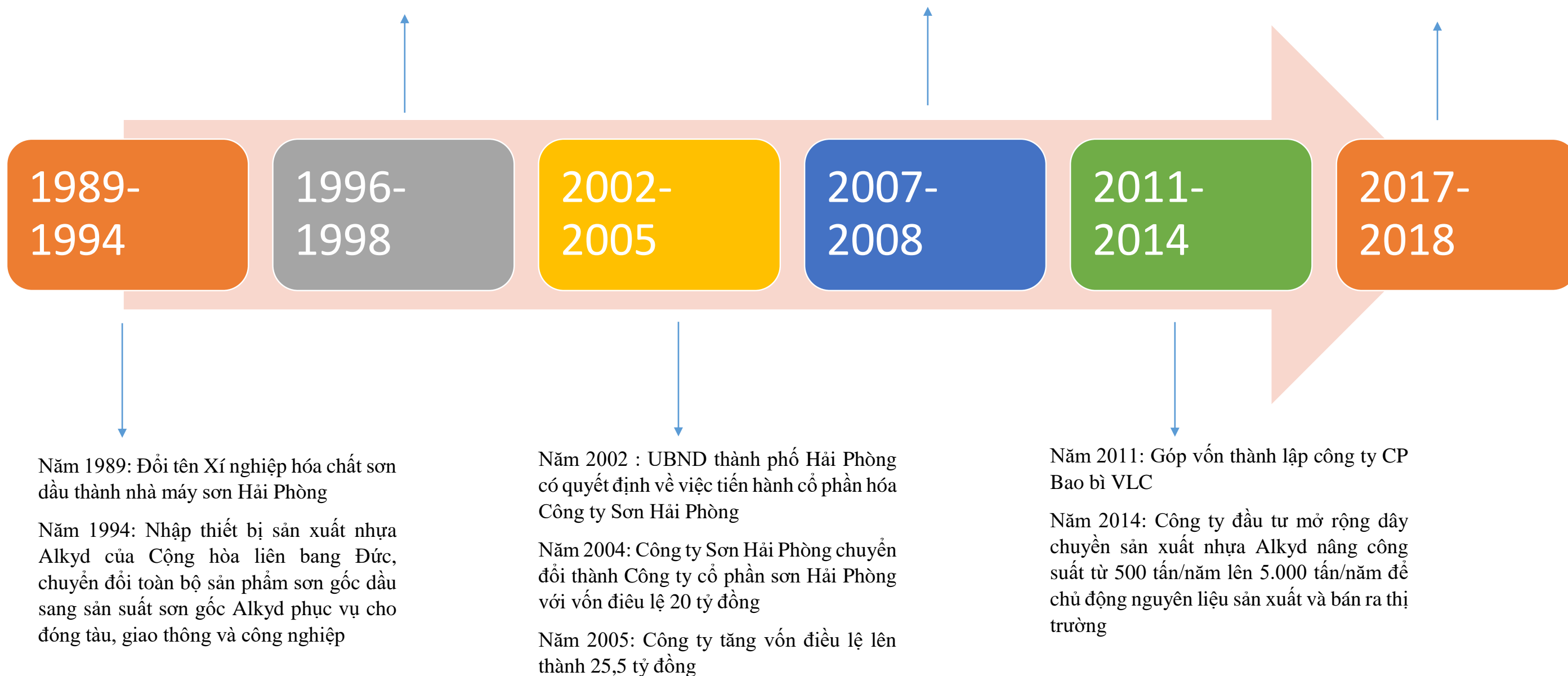
Năm 1998: khánh thành dây chuyền sơn tàu biển hiện đại, công suất 2000 tấn/ năm. Năm 1999 được cấp chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9000

Năm 2007: Tăng vốn điều lệ lên thành 53 tỷ đồng

Năm 2008: đầu tư dây chuyền sơn tấm lợp công suất 5.000 tấn/năm, nâng công suất nhà máy lên 15.000 tấn/năm

Năm 2017: Hoàn thành mở rộng dây chuyền nhựa Alkyd nâng công suất lên 10.000 tấn/năm

Năm 2018: Hoàn thành tái thẩm định chứng chỉ ISO 9001:2015 và ISO 14001:2015 và Phòng thử nghiệm đạt tiêu chuẩn quốc gia



2. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

2.1. Ngành nghề kinh doanh

- ✚ Sản xuất và kinh doanh sơn các loại
- ✚ Kinh doanh vật tư, thiết bị, hóa chất thông thường

Các sản phẩm và dịch vụ kinh doanh chính Sơn tàu biển là sản phẩm mũi nhọn của Công ty CP Sơn Hải Phòng trên cơ sở chuyển giao công nghệ với hãng Chugoku Marine Paints (CMP) của Nhật Bản - 1 trong 3 hãng sơn hàng đầu thế giới trong lĩnh vực này. Hiện nay, Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng là nhà cung cấp hàng đầu về sơn tàu biển và chiếm hơn 50% thị trường sơn tàu.



Sơn công nghiệp sản xuất theo công nghệ tiên tiến của hãng CMP – Nhật Bản. Trong những năm qua, sản phẩm sơn công nghiệp đã phục vụ hầu hết các công trình trọng điểm của đất nước như: Sơn cho các dự án nhà máy công nghiệp: xi măng, nhiệt điện, thủy điện, điện gió, giấy, hóa chất, cán thép, lọc dầu...

Sơn chống cháy SHP WB là loại sơn chống cháy hệ nước được hình thành từ gốc nhựa Poly vinyl acetate kết hợp với các thành phần chất chống cháy có nguồn gốc Photpho và nito thân thiện với môi trường và người sử dụng.



Sơn sàn công nghiệp Từ thế mạnh về sơn tàu biển, công trình biển, Công ty cổ phần Sơn Hải Phòng đã tập trung phát triển các chủng loại sơn công nghiệp nặng, đặc biệt là sơn sàn công nghiệp. Sơn sàn công nghiệp được thi công trên nền bê tông có tác dụng trang trí và bảo vệ bề mặt sàn, chống thấm nước, tăng cường khả năng chịu lực, chịu ăn mòn... Sản phẩm được áp dụng để sơn nền nhà xưởng công nghiệp, nhà máy chế biến thức ăn, văn phòng, trường học, nhà để xe, siêu thị.

Hiện nay công ty CP Sơn Hải Phòng đã cung cấp cho các đơn vị như Xăng dầu KV 3, nhà máy dây cáp điện tàu thủy VINASHIN – Đà Nẵng, các sản phẩm của 7 thành viên trong Tập đoàn.

Nhựa tổng hợp gồm nhựa Alkyd, nhựa Acrylic và nhựa Polyester.

Sơn tấm lợp là dòng sản phẩm chất lượng cao trên cơ sở gốc nhựa Polyester biến tính, được thi công trên nền thép lá cuộn (HDGI, CR, EGO ...) tại các nhà máy sản xuất tôn mạ màu. Sản phẩm được ứng dụng rộng rãi trong các ngành công nghiệp, trong xây dựng, dân dụng. Công ty đã cung cấp sản phẩm sơn tấm lợp trong nhiều năm qua cho các khách hàng như : Tôn Hòa Phát, Mỹ Việt, Tôn Việt Pháp, Tập đoàn Hoa Sen,...v.v..

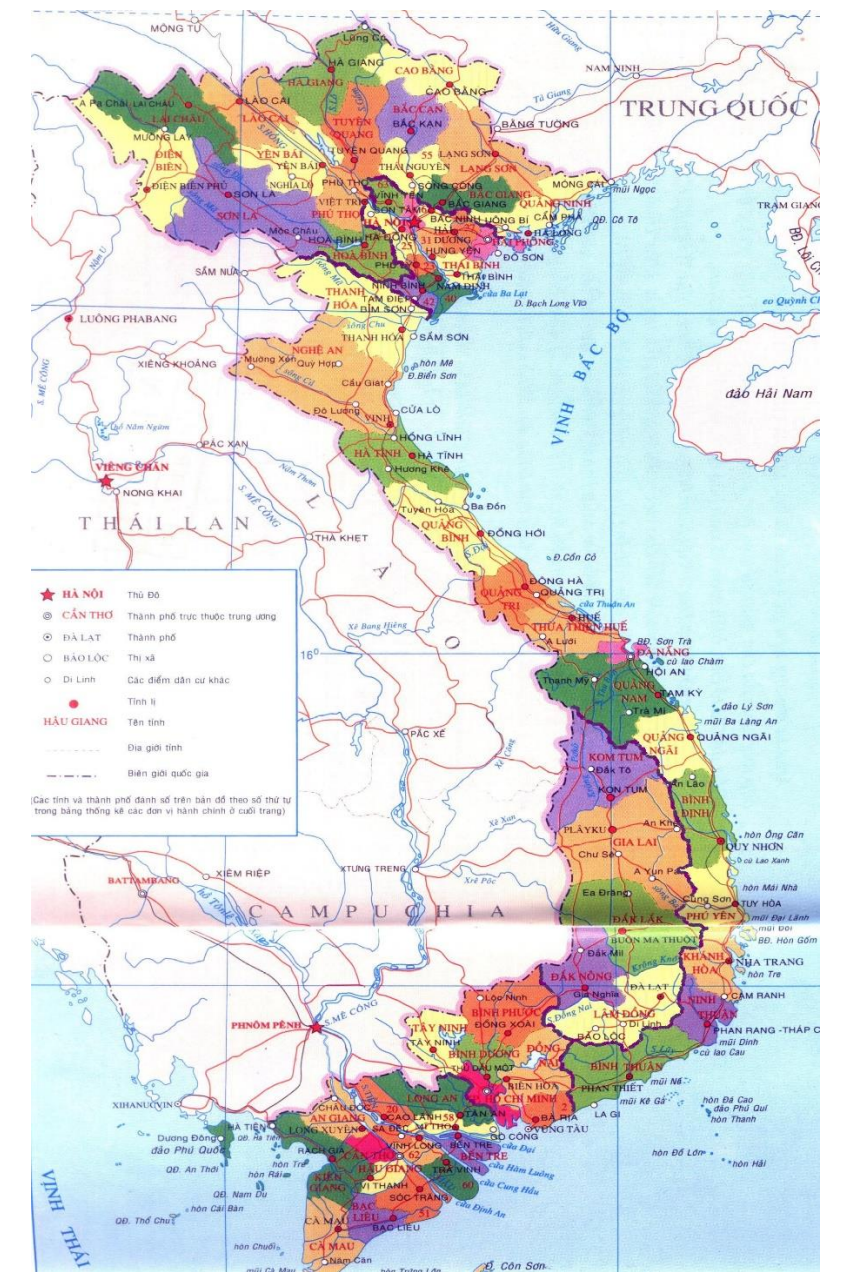


Sơn thép mạ kẽm AC – Zn là sơn lót hiệu quả cao, gốc nhựa Acryl-ic và khô do bay hơi dung môi. Đây là loại sơn dễ thi công và đặc biệt có khả năng đạt được độ dày màng sơn khô cao khi thi công bằng súng phun.



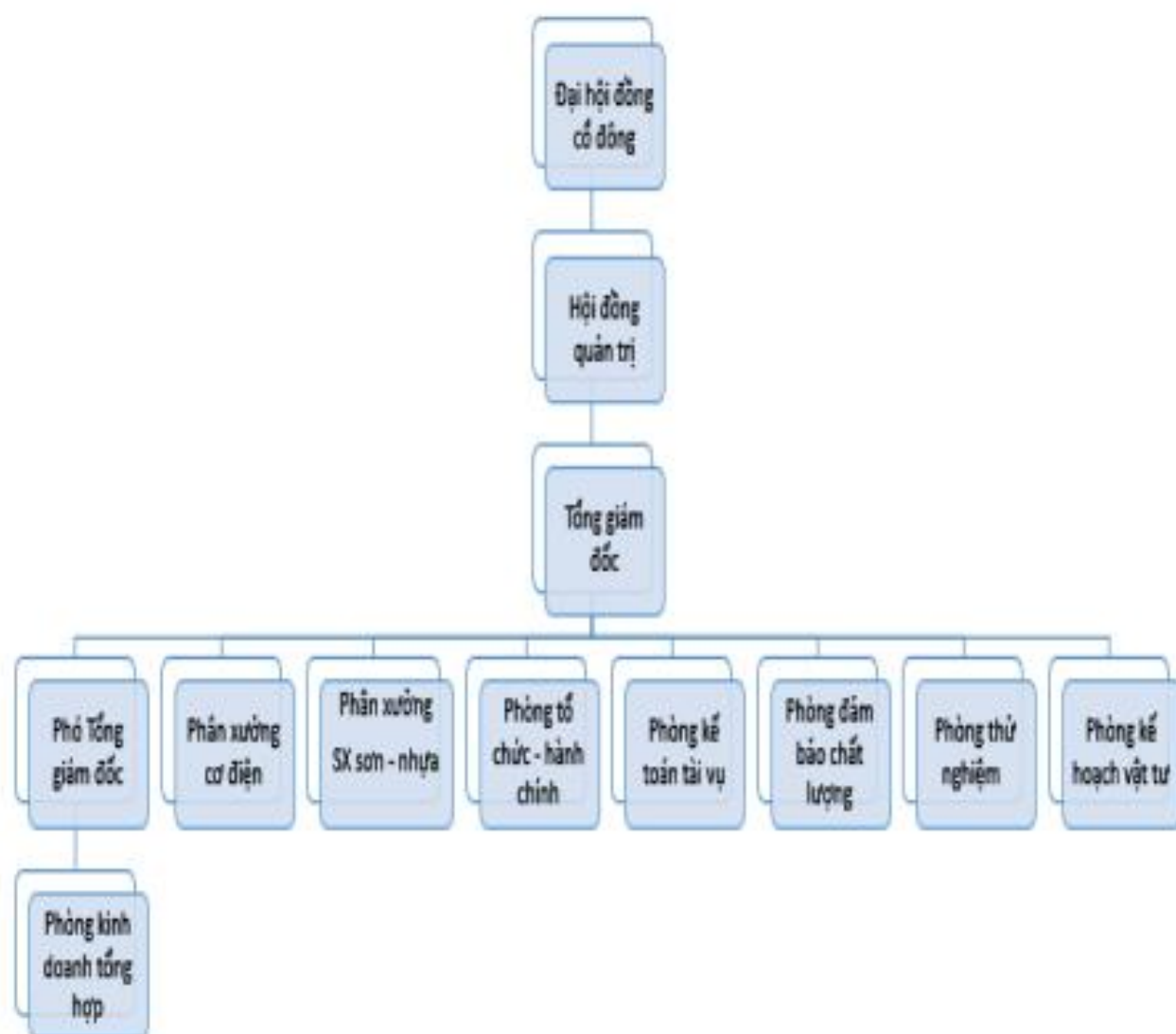
2.2. Địa bàn kinh doanh

Định hướng trong tương lai Công ty sẽ mở rộng hệ thống kinh doanh phân phối sơn rộng khắp các tỉnh thành trên cả nước; trọng tâm hiện tại ở thành phố Hải Phòng, các tỉnh miền Trung, Nam Trung Bộ và các vùng lân cận như: Hải Dương, Hà Nội, Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình, Đà Nẵng, Quảng Ninh...



3. MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC

✚ Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý



Đại hội đồng cổ đông

Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất, quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn theo luật pháp và Điều lệ tổ chức hoạt động của Sơn Hải Phòng. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan thông qua chủ trương chính sách đầu tư phát triển của công ty, quyết định cơ cấu vốn, thông qua phương án sản xuất kinh doanh, quyết định bộ máy tổ chức quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty.

Hội đồng quản trị

Là cơ quan quản trị của công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông tất cả những vấn đề quản lý của công ty theo Điều lệ, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và tuân thủ pháp luật.

Ban kiểm soát

Là cơ quan do Đại hội đồng cổ đông bầu, thay mặt cổ đông kiểm tra, giám sát toàn bộ hoạt động của Công ty trong việc chấp hành tuân thủ Điều lệ của Công ty và các quy định pháp luật có liên quan.

Ban Giám đốc

Là ban có trách nhiệm quản lý và điều hành mọi hoạt động của Công ty theo đúng pháp luật của Nhà nước, các quy định của ngành, điều lệ, quy chế, quy định của Công ty. Tổng Giám Đốc là người đại diện cho Công ty.



4. GIỚI THIỆU BAN LÃNH ĐẠO

4.1. Giới thiệu Hội đồng Quản trị:

STT	Thành viên	Chức vụ	Số CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu tính đến 31/12/2022
1	Ông Nguyễn Văn Viện	Chủ tịch HĐQT	615.142	7,68%
2	Ông Nguyễn Văn Dũng	Phó chủ tịch HĐQT – Tổng giám đốc	330.537	4,13%
3	Bà Bùi Kim Ngọc	Thành viên HĐQT – Kế toán trưởng	236.483	2,95%
4	Ông Vũ Trung Dũng	Thành viên HĐQT – Phó Tổng giám đốc	41.909	0,52%
5	Ông Nguyễn Mộng Lân	Thành viên HĐQT	126.219	1,58%

Ông Nguyễn Văn Viện



Ngày sinh: 15/12/1944

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện, Đại học quản lý kinh tế

Trình độ chính trị: Trung cấp

Quá trình công tác

09/1964 – 05/1982: Giáo viên Trường cơ điện Hải Phòng

06/1982 – 03/1989: Phó phòng Tổ chức lao động Sở Công nghiệp Hải Phòng

04/1989 – 12/2003: Giám đốc Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng

01/2004 – 05/2015: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng

05/2015 đến nay: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng

Ông Nguyễn Văn Dũng



Ngày sinh: 08/09/1972

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng, Kỹ sư hóa, Bằng Giám đốc điều hành chuyên nghiệp ProCEO của IBL, Chứng chỉ Tiếng anh của Cambridge

Trình độ chính trị: Cao cấp

Quá trình công tác

1994 – 1998: Làm việc tại phòng kỹ thuật Công ty Sơn Hải Phòng

1999 – 2003: Giám đốc chi nhánh Công ty Sơn Hải Phòng tại TP. Hồ Chí Minh

2004 – 07/2007: Thành viên HĐQT, Giám đốc chi nhánh Công ty CP Sơn Hải Phòng tại TP. Hồ Chí Minh

08/2007 – 05/2015: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sơn tàu biển Vinashin nay đổi tên thành Công ty Cổ phần Sơn Dầu khí Việt Nam

05/2015 – 04/2019: Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty cổ phần Sơn Hải Phòng

05/2019 đến nay: Phó chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc CTCP Sơn Hải Phòng

Ông Vũ Trung Dũng



Ngày sinh: 20/06/1959

Trình độ chuyên môn: Đại học Hóa (Kỹ sư hóa dầu)

Quá trình công tác

1983 – 01/1985: Thực tập tại nhà máy lọc dầu Tiệp Khắc

08/1985 – 04/1989: Phó phòng KCS – Xí nghiệp hóa chất sơn dầu

1990 – 1996: Phó phòng Kỹ thuật Công ty Sơn Hải Phòng

1997 – 10/2000: Trưởng Chi nhánh Công ty Sơn Hải Phòng tại TP. Hồ Chí Minh

1997 – 04/2012: Giám đốc Marketing Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng

11/2008 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng

4.1. Giới thiệu Hội đồng quản trị (Tiếp)

Bà Bùi Kim Ngọc



Ngày sinh 16/12/1968

Trình độ chuyên môn Kế toán tổng hợp – Trường ĐH Kinh tế Quốc dân

Trình độ chính trị Trung cấp chính trị

Quá trình công tác

10/1989 – 09/1999 Nhân viên phòng Tài vụ Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng

10/1999 – 02/2005 Phó phòng Tài vụ Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng

03/2005 – 10/2008 Trưởng phòng tài vụ, thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng

11/2008- 12/2022 Kế toán trưởng, thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng

Ông Nguyễn Mộng Lân



Ngày sinh 09/01/1949

Trình độ chuyên môn Kỹ sư quá trình và thiết bị công nghiệp hóa chất

Quá trình công tác

1973 – 1995 Viện thiết kế công nghiệp hóa chất

1994 – 1997 Công ty TNHH DASO

1995 – 1997 Phó Tổng Giám đốc Liên doanh hóa chất SOFT

1997 - đến nay Tổng Giám đốc Công ty TNHH Vico

4.2. Giới thiệu Ban kiểm soát:

STT	Thành viên	Chức vụ	Số CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu tính đến 31/12/2022
1	Bà Lã Quỳnh Chi	Trưởng ban kiểm soát	10.838	0,14%
2	Bà Hoàng Thị Thu	Thành viên Ban KS	19.543	0,24%
3	Bà Nguyễn Thị Thanh Trâm	Thành viên Ban KS	40.494	0,51%

Bà Lã Quỳnh Chi



Ngày sinh 22/02/1966

Trình độ chuyên môn Cử nhân Kinh tế QTKD

Trình độ chính trị Sơ cấp

Quá trình công tác

1984 – 1989 Kế toán Ngân hàng Lê Chân

1990 – 1993 Kế toán Trung tâm dịch vụ Công nghiệp-Du lịch

1994 – 2014 Phòng KD – Trưởng phòng KD – Giám đốc Bán hàng – Phó TGD Công ty TNHH VICO

2014 - đến nay Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng

Bà Hoàng Thị Thu



Ngày sinh 16/07/1964

Trình độ chuyên môn Kỹ sư Hóa

Quá trình công tác

01/1991 – 08/1997 Nhân viên Phòng Kỹ thuật Công ty Sơn Hải Phòng

09/1997 – 01/2001 Phó phòng Kỹ thuật Công ty Sơn Hải Phòng

02/2001 – 09/2005 Trưởng phòng Kỹ thuật Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng

10/2005 đến nay Giám đốc kỹ thuật Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng

Bà Nguyễn Thị Thanh Trâm



Ngày sinh 15/02/1966

Trình độ chuyên môn Cử nhân Kinh tế - Kế toán thương mại

Quá trình công tác

05/1986 – 11/1990 Nhân viên Phòng Kế hoạch vật tư và phòng Tổ chức hành chính xí nghiệp mạ điện Hải Phòng

12/1990 – 09/1998 Nhân viên Phòng TCHC Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng

10/1998 đến nay Nhân viên phòng QA Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng

5. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Định hướng về công tác kinh doanh

Phát triển thị trường sơn đặc biệt là sơn dân dụng, sơn tàu biển, sơn sàn, sơn chống cháy và sơn tâm lợp.

Mở rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động cho hệ thống Đại lý thông qua việc hoàn thiện cơ chế chính sách và cơ chế giám sát kiểm soát chặt chẽ.

Đẩy mạnh phát triển thương hiệu thông qua những chiến dịch quảng cáo, xây dựng thương hiệu tốt thân thiện với môi trường được nhiều người tin dùng.



Định hướng về phát triển nguồn nhân lực

Tăng cường xây dựng các chính sách lương thưởng phúc lợi hấp dẫn đối với cán bộ công nhân viên, có chính sách tìm kiếm thu hút nhân tài để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực hoạt động trong doanh nghiệp.

Định hướng về công tác sản xuất

Không ngừng đổi mới và nâng cấp trang thiết bị phục vụ quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao đến từ phía khách hàng cũng như người tiêu dùng về sản phẩm an toàn, thân thiện môi trường từ đó nâng cao năng lực cạnh tranh cho



Công ty. Tiếp tục cải tiến hệ thống quản lý ISO 9001:2015 và ISO14001:2015 để đảm bảo chất lượng sản phẩm và uy tín của Công ty trên thị trường và trách nhiệm đối với xã hội.

Định hướng phát triển thương hiệu và truyền thông

Trong năm 2022 Ban lãnh đạo Công ty đã tập trung chỉ đạo triển khai về chiến lược Marketing sản phẩm bằng nhiều hình thức:

- Thay đổi bộ nhận diện thương hiệu SHP, đẩy mạnh chiến dịch truyền thông quảng bá sản phẩm trên tất cả các nền tảng mạng xã hội.
- Chạy quảng cáo trên báo mạng, truyền hình, radio, zalo, tiktok, đặt biển quảng cáo trên các tuyến đường cao tốc trọng điểm của Đất nước

6. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

6.1. Rủi ro bên ngoài

Rủi ro về kinh tế

Bức tranh kinh tế thế giới năm 2022 phân chia thành hai nửa rõ rệt: 6 tháng đầu năm và 6 tháng cuối năm 2022. Bước vào đầu năm 2022, kinh tế toàn cầu phục hồi và tăng trưởng mạnh mẽ sau một năm suy thoái vì đại dịch Covid-19.



Tuy nhiên, kể từ giữa năm 2022, xung đột Nga - Ukraine gia tăng, kết hợp chính sách “Zero Covid” của Trung Quốc làm chậm lại đà phục hồi kinh tế toàn cầu, gia tăng tình trạng gián đoạn

nguồn cung và đẩy giá hàng hóa thế giới tăng mạnh.

Việc giá hàng hóa thế giới tăng (bao gồm giá dầu, lương thực, thực phẩm) cùng với sự gián đoạn chuỗi cung ứng toàn cầu làm gia tăng chi phí sản xuất, khiến lạm phát toàn cầu tăng lên nhanh chóng. Nhiều quốc gia chứng kiến mức lạm phát kỷ lục trong nhiều năm. Điều này đã khiến các ngân hàng trung ương phải thực hiện thắt chặt chính sách tiền tệ nhanh và mạnh để kiểm soát lạm phát.

Giải pháp khắc phục

Kiểm soát chi phí, tối ưu hóa nguồn lực, đảm bảo cấu trúc vốn an toàn.

Phát triển kênh phân phối, hệ thống chăm sóc khách hàng, mở rộng đầu ra cho sản phẩm.

Liên doanh liên kết với các hãng sơn lớn trên thế giới, đầu tư nghiên cứu phát triển sản phẩm mới, sản phẩm đặc thù, phát triển thị trường.

Rủi ro về pháp luật

Sự ổn định của hệ thống chính trị, luật pháp, chính sách của một quốc gia có ảnh hưởng rất nhiều đến sự ổn định và khả năng phát triển của các ngành kinh tế nói chung.



Sơn Hải phòng là doanh nghiệp đại chúng hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp sản xuất, chịu sự chi phối của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Đầu tư, Luật Môi trường, Luật Thương mại, Luật Sở hữu trí tuệ... Những thay đổi về pháp luật có thể ảnh hưởng đến hoạt động và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

Tuy nhiên với xu hướng phát triển chung của nền kinh tế, Chính phủ cũng đang từng bước hoàn thiện hệ thống tạo môi trường thông thoáng và đơn giản hóa các thủ tục hành chính để đảm bảo phục vụ sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Giải pháp khắc phục

Thường xuyên nghiên cứu, cập nhật các văn bản pháp lý liên quan hoạt động của doanh nghiệp, những thay đổi về chính sách pháp luật và kịp thời ứng dụng, điều chỉnh phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và hoạt động của Doanh nghiệp.

Trường hợp cần thiết Công ty sử dụng các đơn vị tư vấn pháp lý chuyên nghiệp để hạn chế tối đa rủi ro, tránh tranh chấp có thể xảy ra.

Rủi ro về lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái



Về lạm phát: lạm phát cao sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình kinh doanh của Công ty làm chi phí nguyên vật liệu đầu vào tăng cao, hiệu quả kinh doanh giảm sút...Tuy nhiên, năm vừa qua Việt Nam đã kiểm soát

thành công lạm phát trong bối cảnh kinh tế thế giới nhiều biến động khó lường.

Về lãi suất: lãi suất huy động vốn cho doanh nghiệp cao sẽ làm tăng chi phí tài chính của doanh nghiệp vay vốn từ đó giảm hiệu suất kinh doanh tuy nhiên rủi ro này đối với Công ty là thấp vì Công ty sử dụng vốn tự có, vay nợ nhỏ.

Về tỷ giá hối đoái: Tỷ giá hối đoái có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Nếu tỷ giá tăng thì chi phí đầu vào của công ty cũng tăng theo từ việc nhập khẩu nguyên liệu đầu vào, trong khi giá bán sản phẩm lại không thể điều chỉnh tăng tương ứng. Điều này sẽ tác động trực tiếp đến doanh thu của công ty vì nguyên liệu đầu vào của Công ty chủ yếu là được nhập khẩu.

Giải pháp khắc phục

Thường xuyên đánh giá sự biến động về tài chính, chủ động sử dụng các biện pháp phòng ngừa, đảm bảo cấu trúc vốn tối ưu, giảm thiểu tác động bất lợi trước những biến động thị trường tài chính trong và ngoài nước.

Rủi ro về gián đoạn sản xuất do dịch bệnh

Rủi ro

Những năm qua, Covid 19 đã cho chúng ta thấy rõ ràng rằng dịch bệnh đã mang nhiều bất ổn cho xã hội, không chỉ tác động tới con người mà còn gây ra những gián đoạn trong kinh doanh. Công ty cũng không tránh khỏi tác động này.

Giải pháp khắc phục

Công ty lập kế hoạch mua hàng, kế hoạch sản xuất chặt chẽ, có kế hoạch dự trữ hợp lý.

Bổ trí nơi ăn nghỉ thường trực tại Công ty; đồng thời với việc tăng dinh dưỡng cho các bữa ăn ca của người lao động.

Công ty cũng xác định áp dụng công nghệ vào quản trị là yếu tố giúp doanh nghiệp chủ động vượt qua khủng hoảng nên đã và đang từng bước ứng dụng ERP và đào tạo cho người lao động làm quen với môi trường chuyển đổi số.

6.2. Rủi ro nội tại

6.2.1. Rủi ro nguyên liệu

Rủi ro

Hiện nay, nguyên liệu chính (Bột màu, bột phụ trợ, chất tạo màng...) của ngành sản xuất Sơn trong nước nói chung và của Công ty nói riêng chủ yếu được nhập khẩu từ Trung Quốc, Mỹ, Nhật Bản, Indonesia, Singapore, Thái Lan ... Do đó, những sự biến động về kinh tế - chính trị của các nước này sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới nguồn nguyên vật liệu đầu vào của Công ty. Do nguyên vật liệu đầu vào chiếm tỷ trọng lớn, khoảng 60 - 65% giá thành sản phẩm, nên biến động giá cả nguyên vật liệu cũng tác động lớn đến kết quả kinh doanh của Công ty. Vì vậy, rủi ro biến động giá nguyên liệu đầu vào là một rủi ro lớn đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Giải pháp khắc phục

Công ty luôn chủ động trong việc xác định sớm thời điểm phát sinh nhu cầu nguyên vật liệu để xây dựng dự toán khối lượng phục vụ cho sản xuất chính xác và kiểm soát được giá cả.

Công ty luôn chủ động nghiên cứu thị trường, có chiến lược hợp lý trong việc đặt mua nguyên vật liệu ở những thời điểm giá tốt và dự trữ nguồn nguyên vật liệu để có thể đảm bảo hoạt động sản xuất được tiến hành liên tục và đạt hiệu quả cao. Đầu tư cho sản xuất nhựa alkyd, nghiên cứu sản xuất nhựa Polyester ..., nội địa hóa nguồn nguyên liệu đầu vào cho sản xuất sơn để tự chủ hơn về nguồn nguyên vật liệu.



6.2.2. Rủi ro đặc thù ngành

Rủi ro

Hoạt động chủ yếu của Công ty là sản xuất sơn trong đó sản phẩm chủ đạo là sơn tàu biển. Đây là một lĩnh vực liên quan đến các loại hóa chất nên đây có thể coi là một ngành nghề nhạy cảm và có rủi ro cao do có khả năng gây ảnh hưởng đến môi trường. Ngoài ra trong quá trình sản xuất, Công ty còn phải đối mặt với nguy cơ cao về cháy nổ do các nguyên liệu để sản xuất sơn chủ yếu có nguồn gốc từ dầu mỏ. Hơn thế nữa, khí sơn phát sinh trong quá trình sản xuất có thể ảnh hưởng đến sức khỏe của các cán bộ công nhân viên làm việc trong khu vực nhà máy.

Giải pháp khắc phục

Nghiên cứu sản phẩm thân thiện môi trường thay thế sản phẩm truyền thống, sử dụng dung môi nước, nguyên liệu không độc hại cho môi trường phù hợp công ước quốc tế và luật bảo vệ môi trường. Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất nhà máy- hiện đại hóa quy trình sản xuất, đầu tư văn phòng làm việc khang trang hiện đại. Tuân thủ quy định của pháp luật về môi trường, phòng cháy chữa cháy. Thường xuyên tuyên truyền, đào tạo tập huấn nâng cao ý thức của CBNV về phòng cháy chữa cháy, giữ gìn vệ sinh môi trường nơi làm việc.

6.2.3. Rủi ro tài chính

Trong hoạt động sản xuất kinh doanh không thể tránh khỏi những sai sót trong việc quản lý tài chính, tài sản, nguồn vốn... và đầu tư do còn phụ thuộc nhiều vào các tác động của thị trường và các tác nhân bên ngoài khác.

Do đó, Công ty cần phải đánh giá chính xác được tình hình tài chính, lên kế hoạch quản lý vốn hiệu quả để rủi ro ở mức thấp nhất.



III. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

2. Tổ chức và nhân sự

3. Tình hình đầu tư

4. Tình hình tài chính

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn chủ sở hữu

6. Hoạt động liên quan đến môi trường và xã hội



1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Bảng kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2022	Thực hiện Năm 2022	Tỷ lệ % TH/KH
1	Doanh thu thuần <i>Trong đó: Nhựa Alkyd</i>	Tỷ đồng	909	1.002,8 <i>124,4</i>	110
2	Sản lượng tiêu thụ + Sơn + Nhựa Alkyd	Tấn	14.000 10.500 3.500	13.405 10.505 2.900	95,75
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	80	45,471	56,80
4	Tỷ lệ cổ tức	%	30	30	100

Năm 2022 chứng kiến nền kinh tế thế giới phải đối mặt với những thách thức lớn, biến động nhanh, khó lường và tính bất ổn cao; lạm phát đã tăng lên mức cao nhất trong nhiều thập kỷ buộc các quốc gia phải thắt chặt chính sách tiền tệ.

Sáu tháng đầu năm giá dầu thô tăng lên 130USD, đẩy giá vật tư tăng cao đột biến. Các loại vật tư đầu vào tăng từ 30 - 100% vì vậy giá vốn năm 2022 tăng lên 86,2% tăng trên 4% so với năm 2021. Sáu tháng cuối năm lãi suất Ngân hàng và tỷ giá đồng USD tăng đột biến,



dẫn đến chi phí tài chính tăng cao, đặc biệt là quý 4/2022 chi phí tài chính chiếm 6,3% doanh thu tăng 3,8% so với cùng kỳ. Dẫn đến lợi nhuận bị sụt giảm chỉ đạt 4,53%/doanh thu.

Mặc dù lợi nhuận không đạt được như kế hoạch, nhưng so với các công ty trong ngành sơn và mực in, nói chung các công ty đều bị ảnh hưởng rất nghiêm trọng với kết quả kinh doanh lỗ hoặc không có lợi nhuận, thậm chí ngừng sản xuất cả quý, kết quả của Sơn Hải Phòng rất đáng ghi nhận.

Và điều đáng mừng là **Công ty lần đầu tiên đạt doanh số trên 1.000 tỷ**. Đây cũng là động lực và tiền đề để Công ty phát triển hơn nữa trong các năm tiếp theo.

Ban lãnh đạo Công ty đã thực hiện quyết liệt các giải pháp một cách đồng bộ như sau:

✚ Hoàn thiện chiến lược kinh doanh với các điểm nhấn sau:

- Tập trung phát triển thị trường rộng khắp trên cả nước bằng nhiều hình thức
- Hoàn thiện lại bộ nhận diện thương hiệu mới, quảng bá rộng rãi hình ảnh Sơn Hải Phòng nhằm đưa sản phẩm sơn Hải Phòng trở nên gần gũi, thân thuộc với từng người dân Việt Nam.

✚ Xây dựng chiến lược về phát triển các sản phẩm mới nhằm phục vụ đa dạng nhu cầu của khách hàng cùng với các biện pháp nhằm khuyến khích, mở rộng thị trường đã đi đúng hướng, giúp Công ty đạt được mục tiêu về doanh thu.



Nhờ một loạt các giải pháp tích cực, Công ty đã giữ vững được chỉ tiêu tổng doanh thu và đạt được một số thành tích sau:

- TOP 500 Doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam.
- Đặc biệt Công ty đã được Thủ tướng chính phủ trao quyết định công nhận là doanh nghiệp đạt giải thưởng **THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA**.
- Công ty luôn thực hiện tốt công tác An toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường và nghiêm túc tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật.
- Thường xuyên tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao vừa đảm bảo sức khỏe cho người lao động, vừa tạo lập nền tảng văn hóa doanh nghiệp, tạo được sự gắn bó mật thiết giữa CBCNV và Công ty.

2. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

2.1. Thành viên Ban điều hành

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Văn Dũng	Tổng giám đốc
2	Ông Vũ Trung Dũng	Phó Tổng giám đốc
3	Bà Bùi Kim Ngọc	Kế toán trưởng

Trong năm Công ty không có sự thay đổi về thành viên ban điều hành.

2.2. Số lượng cán bộ nhân viên

Chỉ tiêu	Năm 2021		Năm 2022	
	Số lượng (người)	Tỷ Trọng (%)	Số lượng (người)	Tỷ Trọng (%)
Tổng Số lượng lao động	190		190	
đại học và trên đại học	104	55,57	105	55,26
cao đẳng, trung cấp	34	17,89	15	7,89
sơ cấp và công nhân kỹ thuật	19	10,00	19	10,00
lao động phổ thông	33	17,37	51	26,84



2.3. Chính sách đối với người lao động

Chính sách lương thưởng phúc lợi:

Công ty luôn xác định Nhân lực là nền tảng cốt lõi để vận hành bộ máy của Công ty, doanh nghiệp muốn phát triển bền vững bên cạnh định hướng chiến lược đúng đắn còn phải có nguồn nhân lực chất lượng. Theo đó, Ban lãnh đạo đã xây dựng một chính sách lương thưởng phù hợp, khuyến khích người lao động tham gia tích cực vào hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty: lương khoán sản phẩm đối với bộ phận sản xuất và khoán doanh thu cho bộ phận bán hàng. Công ty cũng xây dựng cơ chế lương ưu đãi riêng cho cán bộ nhân viên tham gia vào hoạt động phân tích nghiên cứu cải tiến kỹ thuật và sản phẩm mới của công ty.

Đối với từng cá nhân, công ty đều xây dựng chính sách đãi ngộ xứng đáng, phù hợp với năng lực chuyên môn, tinh thần làm việc và cống hiến. Ngoài ra, những tập thể xuất sắc, có đóng góp nổi bật cho các mặt hoạt động trong năm đều được khen thưởng, động viên kịp thời, xứng đáng.

Năm	Mức thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)
2018	16.120.000
2019	19.940.000
2020	22.700.000
2021	19.762.000
2022	23.500.000

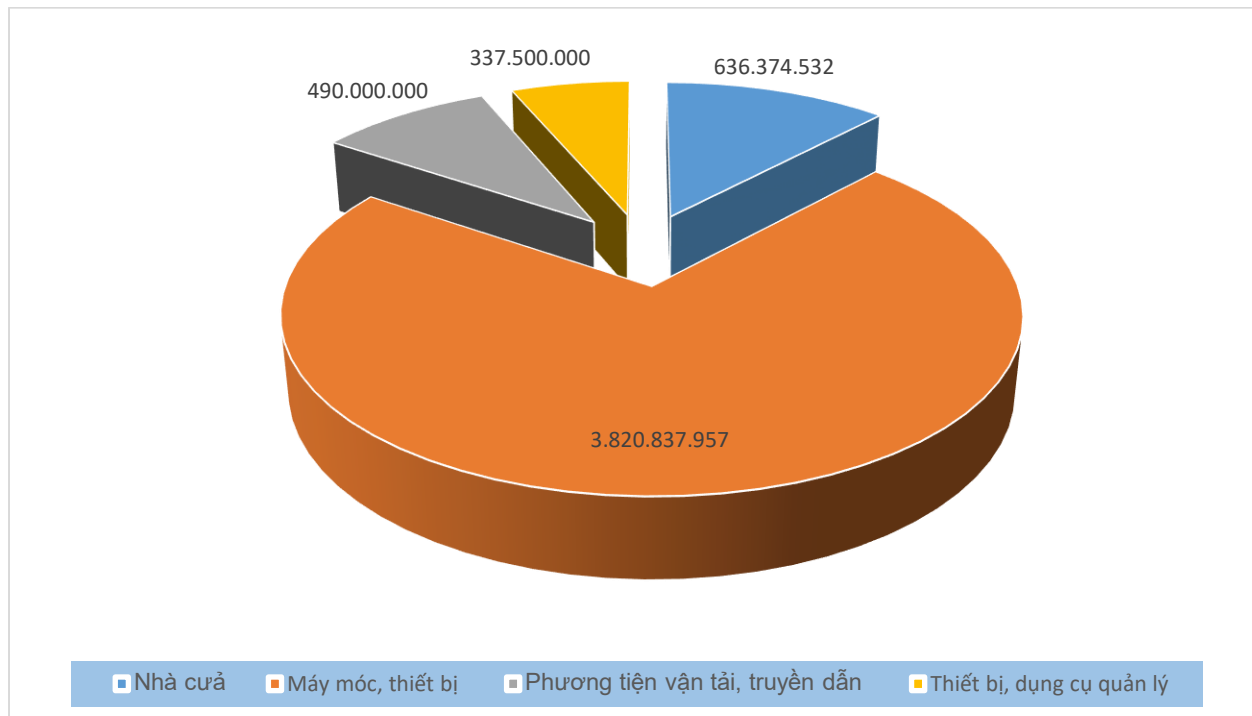
Đào tạo người lao động:

Công ty luôn duy trì tốt công tác đào tạo, đã phối hợp với các trung tâm đào tạo tổ chức nhiều khóa học cho người lao động. Ngoài ra, công tác đào tạo nội bộ cũng được ưu tiên, giảng viên nội bộ truyền đạt kinh nghiệm thực tế kết hợp với đào tạo trường lớp về chuyên môn



3. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ

3.1. Tổng số vốn đầu tư mua sắm tài sản trong năm: 5,28 tỷ đồng



3.2. Công ty con, công ty liên kết

3.2.1. Công ty con



Tên công ty con	Công Ty Cổ Phần Sơn Hải Phòng số 2
Mã chứng khoán	Chưa niêm yết/đăng ký giao dịch
Loại hình	Công ty cổ phần
Địa chỉ	KCN Tràng Duệ, An Dương, Hải Phòng
Điện thoại	0225.3.929.268
Fax	0225.3.929.269
Email	Tin.hp@hpp2.com
Website	http://www.hpp2.com.vn/
Lĩnh vực kinh doanh chính	Sản xuất sơn nước và tĩnh điện
Tỷ lệ nắm giữ	51% (vốn điều lệ 20,85 tỷ đồng)
Quy mô hoạt động	Công suất sản xuất 6000 tấn/năm sơn bột, sơn trang trí các loại

Kết quả sản xuất kinh doanh trong năm 2022:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2021	Năm 2022	Tăng giảm (%)
Doanh thu thuần	tỷ đồng	259,46	226,73	-1,2%
Lợi nhuận từ hoạt động KD	tỷ đồng	10,14	0,757	-92,53%
Lợi nhuận sau thuế	tỷ đồng	9,14	0,694	-92,4%

3.2.1. Công ty con (Tiếp)



Tên công ty con	Công ty TNHH Nhựa Phoenix
Mã chứng khoán	Chưa niêm yết/đăng ký giao dịch
Loại hình	Công ty TNHH một thành viên
Địa chỉ	Tầng 8 tòa nhà SHP PLAZA, số 12 Lạch Tray, Phường Lạch Tray, Quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng
Điện thoại	0225.3.929.268
Fax	0225.3.929.269
Lĩnh vực kinh doanh chính	Bán buôn hạt nhựa nguyên sinh, hạt nhựa màu, nhựa Alkyd, nhựa Poly ester, nhựa Acrylic; Bán buôn hóa chất ngành sơn; Bán buôn sơn công nghiệp, mực in, keo
Tỷ lệ nắm giữ	100% (vốn điều lệ 6 tỷ đồng)

Kết quả sản xuất kinh doanh trong năm 2022:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2021	Năm 2022	Tăng giảm
Doanh thu thuần	tỷ đồng	178,48	180,95	1,38%
Lợi nhuận từ hoạt động KD	tỷ đồng	0,12	0,81	5,80%
Lợi nhuận sau thuế	tỷ đồng	0,101	0,65	5,46%

3.2.2. Công ty liên kết



Tên công ty con	Công ty TNHH Sơn bột VLC
Mã chứng khoán	Chưa niêm yết/đăng ký giao dịch
Loại hình	Công ty TNHH hai thành viên trở lên
Địa chỉ	Số 11 đường số 2, Khu công nghiệp Sóng thần 3, phường Phú Tân, Tp. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
Điện thoại	0947829248
Lĩnh vực kinh doanh chính	Bán buôn các loại sơn bột
Tỷ lệ nắm giữ	51% (vốn điều lệ 12 tỷ đồng)

Kết quả sản xuất kinh doanh trong năm 2022:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2022
Doanh thu thuần	tỷ đồng	40,635
Lợi nhuận từ hoạt động KD	tỷ đồng	0,331
Lợi nhuận sau thuế	tỷ đồng	0,309

3.2.2. Công ty liên kết (Tiếp)



Tên công ty liên kết	Công ty TNHH Sơn Samhwa Hải Phòng
Mã chứng khoán	Chưa niêm yết/đăng ký giao dịch
Loại hình	Công ty TNHH 2 thành viên
Địa chỉ	Số 21 đường 208 – Xã An Đồng – Huyện An Dương – Tp. Hải Phòng
Lĩnh vực kinh doanh chính	Bán buôn tổng hợp Chi tiết: Thực hiện quyền phân phối bán buôn (không thành lập cơ sở bán buôn) các hàng hóa không thuộc danh mục không được phân phối theo quy định pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo cam kết quốc tế trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên
Tỷ lệ nắm giữ	50%

Kết quả sản xuất kinh doanh trong năm 2022:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2021	Năm 2022	Tăng giảm
Doanh thu thuần	tỷ đồng	143,46	311,237	116,97%
Lợi nhuận từ hoạt động KD	tỷ đồng	3,91	-5,851	-249,64%
Lợi nhuận sau thuế	tỷ đồng	3,08		

Tên công ty liên kết	Công ty cổ phần Bất động sản Sơn và Hóa chất Á Châu
Mã chứng khoán	Chưa niêm yết/ đăng ký giao dịch
Loại hình	Công ty cổ phần
Địa chỉ	Số 12 Lạch Tray, Ngô Quyền, Tp. Hải Phòng
Điện thoại	(0225)3.250.368
Fax	0225.3.250.968
Email	shphaiphong@gmail.com
Lĩnh vực kinh doanh chính	Kinh doanh bất động sản
Tỷ lệ nắm giữ	41,52%
Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	Công ty Cổ phần Bất động sản Sơn và Hóa chất Á Châu được thành lập ngày 22/09/2009 với chức năng kinh doanh bất động sản, đầu tư cơ sở hạ tầng với năng lực tài chính hiện có – Dự án SHP tại số 12 Lạch Tray, Quận Ngô Quyền, Tp. Hải Phòng với quy mô 28 tầng nổi và 2 tầng hầm được thiết kế bởi công ty kiến trúc hàng đầu Nhật Bản – Công ty TNHH tư vấn XD FUJINAMI. Dự án là tổ hợp Căn hộ cao cấp, Văn phòng, Trung tâm thương mại và Khách sạn quốc tế 5 sao sẽ tạo điểm nhấn đặc biệt nổi bật và ấn tượng cho thành phố Hải Phòng.

Kết quả sản xuất kinh doanh trong năm 2022:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2021	Năm 2022	Tăng giảm
Doanh thu thuần	tỷ đồng	86,38	114,333	32,36%
Lợi nhuận từ hoạt động KD	tỷ đồng	-10,73	-15,071	
Lợi nhuận sau thuế	tỷ đồng	-10,96		

3.2.2. Công ty liên kết (Tiếp)



Tên công ty liên kết	Công ty cổ phần tập đoàn VLC
Mã chứng khoán	Chưa niêm yết/ đăng ký giao dịch
Loại hình	Công ty cổ phần
Địa chỉ	Số 21 đường 208 – An Đồng – An Dương – Hải Phòng
Điện thoại	02253.292019
Fax	02253.571053
Email	support@vlc-group.com
Lĩnh vực kinh doanh chính	Sơn, bột giặt và hóa mỹ phẩm, bao bì, bất động sản
Tỷ lệ nắm giữ	32,94%
Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	Tháng 03/2010 tập đoàn VLC chính thức được thành lập bao gồm 08 công ty thành viên, thuộc 04 nhóm sản phẩm chính: Sơn, bột giặt và hóa mỹ phẩm, bao bì, bất động sản
Quy mô hoạt động	Quy mô: lĩnh vực sơn 20.000–30.000 tấn/năm, lĩnh vực bột giặt và nước rửa chén 120.000-150000 tấn/năm (công ty TNHH Vico), Tháp bột giặt công suất 50.000-75.000 tấn/năm, các loại chất tẩy rửa dạng lỏng từ 20.000-30.000 tấn /năm(công ty cổ phần VILACO)

Kết quả sản xuất kinh doanh trong năm 2022:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2021	Năm 2022	Tăng giảm
Doanh thu thuần	tỷ đồng	1,00	0,967	-3,3%
Lợi nhuận từ hoạt động KD	tỷ đồng	0,042	0,33	6,85%
Lợi nhuận sau thuế	tỷ đồng	0,042	0,26	5,19%



Tên công ty liên kết	Công ty cổ phần Sơn dầu khí Việt Nam
Mã chứng khoán	Chưa niêm yết/ đăng ký giao dịch
Loại hình	Công ty cổ phần
Địa chỉ	Lầu 10, tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại	0282.2205.321
Email	pvpaint@pvpaint.vn
Lĩnh vực kinh doanh chính	Sản xuất và mua bán: các loại sơn (cho các lĩnh vực tàu biển, công trình biển, công nghiệp, công trình giao thông, cầu thép, bột tinh điện, trang trí, xây dựng dân dụng), nguyên liệu, trang thiết bị phục vụ ngành công nghiệp tàu thủy bột giặt và hóa mỹ phẩm, bao bì, bất động sản.
Tỷ lệ nắm giữ	31,21%
Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	Công ty cổ phần sơn dầu khí Việt Nam (PV Paint) được thành lập ngày 3 tháng 10 năm 2006 trên cơ sở liên doanh giữa tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam và Công ty cổ phần Sơn Hải Phòng. Nhà máy sản xuất của PV Paint được xây dựng trên diện tích 30.000 m2, công suất 10.000 tấn/năm, khởi công ngày 1/6/2007 và khánh thành ngày 21/01/2008 (Số 11, đường số 2, Khu công nghiệp Sóng thần 3, phường Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương). nLà nhà máy hiện đại bậc nhất Việt Nam tính đến thời điểm này với dây chuyền sản xuất đồng bộ được nhập từ hãng Inoue Nissei (Japan), cùng công nghệ sản xuất sơn tiên tiến, ưu việt, được chuyển giao trực tiếp từ hãng Chukogu Marine Paint (Japan), một trong sáu hãng sơn hàng đầu thế giới trong lĩnh vực sơn tàu biển và công trình biển

Kết quả sản xuất kinh doanh trong năm 2022:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2021	Năm 2022	Tăng giảm
Doanh thu thuần	tỷ đồng	125,06	153,939	23,09%
Lợi nhuận từ hoạt động KD	tỷ đồng	2,73	0,405	-85,16%
Lợi nhuận sau thuế	tỷ đồng	2,43	0,153	-93,7%

4. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

4.1. Tình hình tài chính

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2021	Năm 2022	% năm 2022/2021
1	Tổng tài sản	Tỷ đồng	928,957	1.075,722	115,80
2	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	411,484	413,188	100,39
3	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	762,513	1.002,8	131,51
4	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	Tỷ đồng	69,881	45,216	64,76
5	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	70,373	45,471	64,61
6	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	67,186	38,390	57,14
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức/lợi nhuận sau thuế	%	35,5	30	84,51%

(Nguồn: Báo cáo tài chính riêng năm 2022)

Các chỉ tiêu tài chính đã cho thấy phần nào sự khó khăn mà Công ty gặp phải trong năm 2022.

Trong đó, mặc dù tổng tài sản tăng mạnh từ khoảng 928 tỷ lên tài sản ngắn hạn và tài mức tăng so với năm 2021



tài sản tăng mạnh tới 16%, đến hơn 1000 tỷ khi mà cả sản dài hạn đều ghi nhận và doanh thu thuần tăng

khoảng 31% lên mức 1.002,8 tỷ, nhưng do các chi phí cấu thành nên giá vốn hàng bán tăng mạnh cùng với đà tăng mạnh trên toàn cầu của hầu hết các loại hàng hóa dẫn tới lợi nhuận thuần sụt giảm mạnh. Đây là khó khăn đã được dự báo từ trước bởi Ban điều hành vì những yếu tố khách quan bất lợi của môi trường kinh doanh vĩ mô là rất rõ ràng. Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức tăng do công ty vẫn giữ mức cổ tức là 30%, nhưng lợi nhuận sau thuế lại nhỏ hơn so với năm 2021.

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2021	Năm 2022
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn (=TSLD/Nợ NH)	Lần	1,21	1,16
Hệ số thanh toán nhanh ((=TSLD-Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn)	Lần	0,86	0,87
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số nợ/tổng tài sản	Lần	0,557	0,616
Hệ số nợ/Tổng nguồn vốn chủ sở hữu	Lần	1,258	1,603
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho (= Giá VHB/hàng tồn kho bq)	Vòng/kỳ	4,2	4,7
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Vòng/kỳ	0,821	0,932
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	8,81	3,88
Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn góp chủ sở hữu	%	83,91	48,57
Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng Tài sản	%	7,23	3,62



Qua một số chỉ tiêu tài chính Công ty có thể thấy:

Năm qua nền kinh tế phải đối phó với những sóng gió hậu covid: Khủng hoảng năng lượng, lạm phát tăng cao, tín dụng thắt chặt. Kinh tế toàn cầu phải đối mặt với rủi ro suy thoái.

Tuy nhiên, Ban điều hành với trách nhiệm cao nhất đã rất cố gắng đưa ra những giải pháp xử lý kịp thời, điều hành sản xuất kinh doanh duy trì và đáp ứng mọi yêu cầu của khách hàng, tiết kiệm tối đa các chi phí nhằm mang lại hiệu quả cho công ty.

5. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU

5.1. Cổ phần

Tính đến thời điểm 31/12/2022:

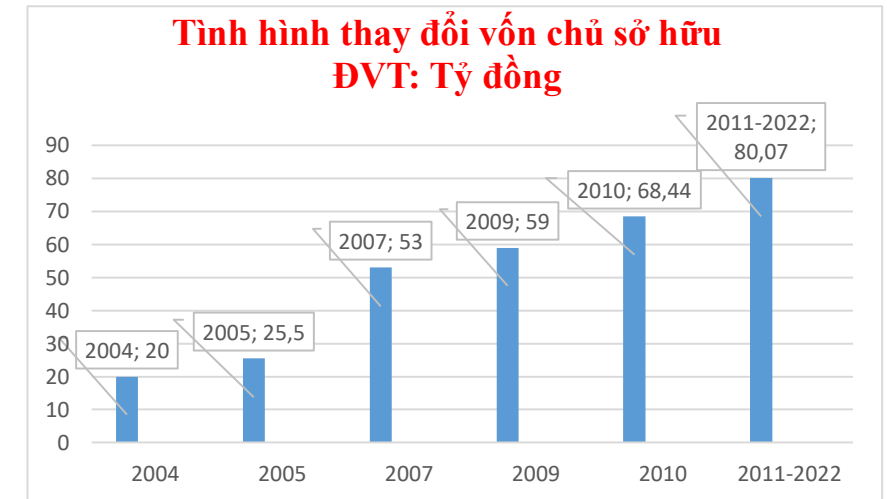
Số cổ phần phổ thông:	8.007.177 cổ phiếu
Số cổ phần ưu đãi:	0 cổ phiếu
Số cổ phần niêm yết:	8.007.177 cổ phiếu
Số cổ phần đang lưu hành:	7.960.436 cổ phiếu
Số cổ phiếu quỹ:	46.741 cổ phiếu
Mệnh giá:	10.000 VNĐ

5.2. Cơ cấu cổ đông

Cơ cấu cổ đông theo tỷ lệ sở hữu	Số lượng	Tỷ lệ
Cổ đông lớn	3.235.270	40,4%
Cổ đông nhỏ	4.771.907	59,6%
Tổng	8.007.177	100%
Cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân		
Cổ đông cá nhân	6.859.904	85,67%
Cổ đông tổ chức	1.147.273	14,33%
Tổng	8.007.177	100%
Cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài		
Cổ đông trong nước	7.143.461	89,21%
Cổ đông nước ngoài	863.716	10,79%
Tổng	8.007.177	100%



5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu



Ngày 5/8/2010, Công ty chính thức giao dịch 5.900.000 cổ phiếu trên sàn chứng khoán Upcom, sau đó ngày 26/11/2010 giao dịch bổ sung 943.916 cổ phiếu. Vốn đầu tư của chủ sở hữu tại thời điểm đó là 68.439.160.000 đồng.

Ngày 19/5/2011, Công ty thực hiện chi trả cổ tức năm 2010 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 17% , nâng vốn đầu tư của chủ sở hữu lên thành 80.071.770.000 đồng.

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ

Số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại: 46.471 cổ phiếu

Giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm: không có

5.5. Chứng khoán khác: không có.

6. HOẠT ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Trong quá trình hoạt động và quản lý, việc sử dụng nguyên vật liệu được ban lãnh đạo Công ty đánh giá là một công tác hết sức cần thiết, vừa đảm bảo hiệu quả kinh tế, vừa đảm bảo tiết kiệm, tránh lãng phí, chống thất thoát và bảo vệ môi trường.

Chi phí nguyên vật liệu sản xuất theo đúng định mức Công ty ban hành: thường xuyên thực hiện theo dõi, rà soát tình hình thực hiện tiêu hao vật tư, nguyên phụ liệu, nhiên liệu động lực



trong sản xuất từng loại sản phẩm, nghiên cứu điều chỉnh hệ thống định mức kinh tế kỹ thuật để tiết kiệm

chi phí sản xuất. Đầu tư, nghiên cứu kết hợp với tham khảo một số đơn vị bạn thực hiện tiết kiệm định mức nguyên liệu bằng các sáng kiến, cải tiến kỹ thuật.

Số lượng tiêu hao nguyên vật liệu trong năm 2022 cụ thể như sau:

STT	Tên nguyên liệu	Số lượng (tấn)
1	Dung môi	3.743
2	Nhựa	6.956
3	Bột	3.153
4	Phụ gia, nguyên liệu khác	925

Tiêu thụ năng lượng, nước

Công ty đánh giá việc tiết kiệm năng lượng là một trong những tiêu chí hàng đầu trong chiến lược phát triển bền vững.

Thực hiện tốt chính sách sử dụng năng lượng tiết kiệm, vận động và tuyên truyền nội bộ tuân thủ nghiêm các quy định, quy trình về sử dụng năng lượng tiết kiệm là đang góp phần phát triển kinh tế của Công ty cũng như của toàn xã hội.



Số liệu tiêu thụ năng lượng, nước của công ty trong năm 2022 như sau:

STT	Loại	Đơn vị tính	Số lượng sử dụng
1	Điện	Kw	1.279.942
2	Xăng	Lít	28.748
3	Dầu DO	Lít	408.465
4	Nước	M ³	11.558

Tuân thủ pháp luật bảo vệ môi trường



Thực hiện đúng tiêu chuẩn phiên bản năm 2015. Các cam kết bảo vệ môi trường được phê duyệt và công tác báo cáo môi trường theo định kỳ được Công ty thực hiện đầy đủ, đúng hạn.

Công tác an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ, môi trường, thực hiện pháp luật của Công ty nghiêm túc. Hệ thống quản lý chất lượng – môi trường

Chính sách liên quan đến người lao động

Số lượng lao động

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Tỷ trọng (%)
Tổng Số lượng lao động	190	190	19
Phân loại theo trình độ			
Đại học và trên đại học	104	105	55,26
Cao đẳng, trung cấp	34	15	7,89
Sơ cấp và công nhân kỹ thuật	19	19	10,00
Lao động phổ thông	33	51	17,37
Theo giới tính			
Nam	144	144	75,79
Nữ	46	46	24,21
Theo thời hạn HĐLĐ			
Hợp đồng ngắn hạn dưới 1 năm	4	0	0
Hợp đồng 1-3 năm	12	19	10,00
Hợp đồng không xác định thời hạn	174	171	90,00
Theo độ tuổi			
18-25	8	1	0,53
26-35	57	51	26,84
36-45	71	80	42,11
>45	59	58	30,53



Mức lương trung bình qua các năm:

Năm	2020	2021	2022
Thu nhập bình quân (triệu VND/người/tháng)	22,7	19,762	23,5

Phúc lợi khác trong năm:

Nội dung	Số tiền (VND)
Tết Dương lịch	193.000.000
Tết Nguyên đán	943.333.333
Thưởng hoàn thành nhiệm vụ	553.250.000
Quà 30/4 và 1/5	192.000.000
Quà Giỗ tổ Hùng Vương	96.200.000
Nghỉ mát 2021	560.000.000
Quà thiếu nhi 1/6	36.800.000
Quà khuyến học (Học sinh giỏi, tiên tiến)	41.100.000
Quà 2/9	194.500.000
Quà Tết trung thu	58.350.000
Quà ngày phụ nữ 20/10	9.400.000
Thưởng (4 tháng lương)	9.733.296.676



Công tác đào tạo nhằm nâng cao tay nghề, trình độ quản lý, an toàn lao động, phòng chống cháy nổ được

Ban lãnh đạo Công ty tổ chức thường xuyên để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp. Bên cạnh đó, Công ty luôn thực hiện các chế độ bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm thất nghiệp, y tế, tai nạn, chế độ thai sản, tặng quà sinh nhật, tặng quà ngày Lễ, Tết, Quốc khánh, tặng quà sinh nhật và bảo hiểm kết hợp về con người... cho người lao động theo đúng

Luật Lao Động và Thỏa ước lao động tập thể của Công ty.

Sự quan tâm và hỗ trợ người lao động luôn được cân nhắc tại Công ty. Năm vừa qua, Công ty không ngừng quan tâm, nâng cao đời sống sinh hoạt lành mạnh và sức khỏe cho CBCNV bằng cách tạo điều kiện cơ sở vật chất cho họ tham gia các hoạt động thể dục thể thao



khám sức khỏe định kỳ, tham quan nghỉ mát, phát động phong trào văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao trong toàn Công ty, xây dựng sân bóng chuyền, Cầu lông, bóng bàn, bóng đá mi-ni, tổ chức học ngoại ngữ mời giáo viên người nước ngoài, học dancing.

Phong trào vệ sinh xanh sạch đẹp được phát động, xây dựng một nét văn hóa riêng cho Công ty cổ phần Sơn Hải Phòng.



Trách nhiệm với cộng đồng địa phương

Ngoài nhiệm vụ ổn định sản xuất kinh doanh, Ban lãnh đạo công ty luôn xác định trách nhiệm phải đóng góp một phần sức lực cũng như tài chính cho công tác an sinh – xã hội tại địa phương, góp phần phát triển cộng đồng.

Trong năm vừa qua, công ty đã có những đóng góp hết sức thiết thực và ý nghĩa cho cộng đồng thông qua một số chương trình, chính sách hỗ trợ người dân địa phương như: ủng hộ quỹ mái ấm công đoàn và góp sức chung tay vì cộng đồng.....



IV. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC



1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

2. Tình hình tài chính

3. Những cải tiến về cơ cấu, chính sách, quản lý

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

1. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH



Năm 2022, với sự quyết liệt, năng động của Ban điều hành, sự đồng lòng của cán bộ công nhân viên, lần đầu tiên Sơn Hải Phòng đạt doanh số trên 1.000 tỷ đồng. Đây cũng là động lực và tiền đề để Công ty phát triển hơn nữa trong các năm tiếp theo.

Mặc dù lợi nhuận không đạt được như kế hoạch, nhưng so với các công ty trong ngành Sơn và mực in nói chung đều bị ảnh hưởng rất nghiêm trọng, báo cáo kết quả lỗ hoặc không lợi nhuận, thậm chí ngừng sản xuất cả quý thì kết quả của Sơn Hải Phòng rất đáng ghi nhận.

Trong bối cảnh khó khăn chung, Ban điều hành với trách nhiệm cao nhất đã rất cố gắng đưa ra những giải pháp xử lý kịp thời, điều hành sản xuất kinh doanh duy trì và đáp ứng mọi yêu cầu của khách hàng, tiết kiệm tối đa các chi phí nhằm mang lại hiệu quả cho công ty.

- ✓ Công ty đã hoàn thiện chiến lược kinh doanh: Tập trung phát triển thị trường rộng khắp trên cả nước bằng nhiều hình thức, hoàn thiện lại bộ nhận diện thương hiệu mới, quảng bá rộng rãi hình ảnh Sơn Hải Phòng nhằm đưa sản phẩm Sơn Hải Phòng trở nên gần gũi, thân thuộc với từng người dân Việt Nam.
- ✓ Ngoài những dòng sản phẩm truyền thống, các dòng sản phẩm mới đã được thị trường ưa chuộng, tin dùng và ngày càng chiếm vị thế cao trên thị trường.
- ✓ Sản phẩm nhựa Alkyd tổng hợp ngày càng được cải tiến với chất lượng tốt, đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng.

- ✓ Sản phẩm sơn tầm lợp đã làm chủ được công nghệ, tiếp cận và đã cung cấp vào các Tập đoàn lớn với doanh thu đạt 219% so với cùng kỳ.

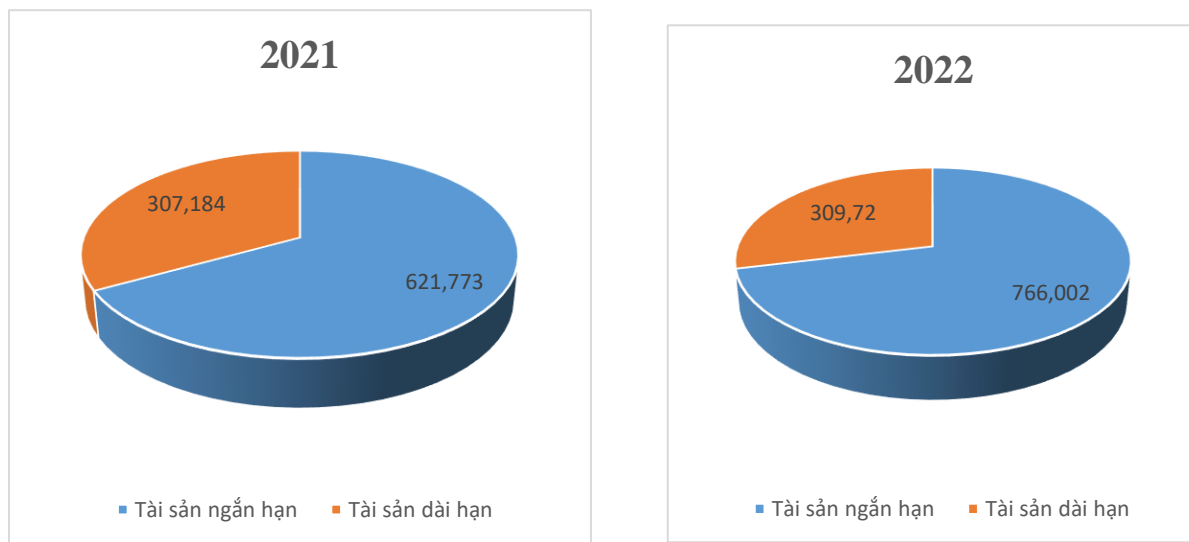
Thành tựu đạt được trong năm 2022:

- ✚ Năm 2022, Công ty nằm trong TOP 500 Doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam.
- ✚ Đặc biệt Công ty đã được Thủ tướng chính phủ trao quyết định công nhận là doanh nghiệp đạt giải thưởng **THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA**.
- ✚ Công ty luôn thực hiện tốt công tác An toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường và nghiêm túc tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật.
- ✚ Duy trì và vận hành tốt hệ thống quản lý Chất lượng - Môi trường.
- ✚ Thường xuyên tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao vừa đảm bảo sức khỏe cho người lao động, vừa tạo lập nền tảng văn hóa doanh nghiệp, tạo được sự gắn bó mật thiết giữa CBCNV và Công ty.



2. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ số	Đơn vị tính	31/12/2021	31/12/2022	% tăng/giảm
Tài sản ngắn hạn	tỷ đồng	621,773	766,002	123,2%
Tài sản dài hạn	tỷ đồng	307,184	309,720	100,83%
Tổng cộng	tỷ đồng	928,957	1.075,722	115,08%



Tài sản năm 2022 của Công ty cơ cấu phần lớn là tài sản ngắn hạn. Tại thời điểm 31/12/2022, tài sản ngắn hạn của công ty là 766,002 tỷ đồng, chiếm 76% tổng tài sản, tăng 23,2% so với năm 2021, trong đó tăng chủ yếu ở hàng tồn kho, các khoản phải thu, và các khoản đầu tư tài chính. Về cơ cấu thì hai khoản phải thu và hàng tồn kho vẫn chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tài sản ngắn hạn của công ty.

Tài sản dài hạn của Công ty tăng nhẹ 0,83% so với năm 2021. Tổng tài sản dài hạn năm tại 31/12/2022 là 309,720 tỷ đồng.

3. NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Đứng trước khó khăn do sự bất ổn mang tính vĩ mô của môi trường kinh doanh, Ban lãnh đạo Công ty đã quyết liệt thực hiện một loạt các giải pháp đồng bộ, quyết liệt và đã cán đích được mục tiêu doanh thu, cụ thể bao gồm:

Thị trường sơn tàu biển	<ul style="list-style-type: none"> Tập trung chăm sóc và phát triển các khách hàng truyền thống như các đơn vị vận tải biển lớn. Tập trung phát triển mở rộng thị trường sơn bảo quản bảo dưỡng cho các tàu quân đội qua tham gia đấu thầu trên mạng đấu thầu quốc gia. Tổng doanh thu của mảng sơn tàu biển đạt 206 tỷ, tăng trưởng 125% so với năm 2021.
Thị trường sơn dân dụng và Đại lý	Năm 2022 là năm có những biến động lớn về thị trường, giá cả vật tư tăng, tỷ giá USD biến động cao, công ty đã phải điều chỉnh nâng giá. Do vậy việc cạnh tranh trên thị trường ngày càng cao, các sơn chất lượng thấp, giá thấp được dịp lấn sang để cạnh tranh
Đối với Đại lý	<ul style="list-style-type: none"> Doanh thu đại lý đạt 191,9 tỷ đồng bằng 106 % so cùng kỳ, phát triển thêm các đại lý mới tại các tỉnh: Hải Phòng, Hải Dương, Quảng Ninh, Bắc Ninh, Bắc Giang, Nhằm hỗ trợ thêm cho mảng đại lý, trong năm 2022 Ban lãnh đạo Công ty đã tập trung chỉ đạo triển khai về chiến lược Marketing sản phẩm bằng nhiều hình thức: Thay đổi bộ nhận diện thương hiệu SHP, đẩy mạnh chiến dịch truyền thông quảng bá sản phẩm trên tất cả các nền tảng mạng xã hội.
Thị trường sơn công nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> Trong năm đã ký hợp đồng chuyển giao công nghệ sản xuất sơn container với CMP. Công ty đã sản xuất sơn cấp cho Tập đoàn Hòa Phát để chạy thử trên dây chuyền và đạt kết quả khả quan. Trong năm 2023, Công ty sẽ chính thức sản xuất hàng loạt sản phẩm để cung cấp cho Tập đoàn Hòa Phát. Đây là dòng sản phẩm làm tăng doanh thu và cũng là tiền đề phát triển cho năm 2023. Doanh thu của sản phẩm sơn thép mạ kẽm nhanh khô tăng dần, khẳng định chất lượng của sản phẩm và giá thành hợp lý được khách hàng lựa chọn và sử dụng nhiều.
Sản xuất kinh doanh nhựa ALKYD	<ul style="list-style-type: none"> Làm chủ công nghệ sản xuất các loại nhựa do nhận chuyển giao công nghệ từ Tập đoàn Samhwa Mở rộng hệ thống bán hàng, đáp ứng đa dạng các yêu cầu về sản phẩm của khách hàng. Năm 2022, doanh thu tăng 111,4% so với năm 2021.

4. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

4.1. Chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023

- Bước sang năm 2023 với nguyên nhân khách quan do ảnh hưởng từ bối cảnh khó khăn chung của cả nước, những khó khăn hiện tại sẽ tiếp tục kéo dài sang năm 2023. Cùng với dự báo tình hình thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường, chưa nhận định được kinh tế toàn cầu sẽ diễn ra như thế nào.
- Việt nam dự kiến tăng trưởng GDP năm 2023 ở mức 6,6%
- Một số ngân hàng đã giảm lãi suất huy động, bước đầu đang hạ dần lãi suất cho vay, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp giảm áp lực về chi phí tài chính.

Ban điều hành đề xuất các chỉ tiêu năm 2023 như sau:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2023	Tỷ lệ %/2022
1	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	1.181	129
2	Sản lượng	Tấn	17.000	121
	-Sơn		13.000	
	-Nhựa Alkyd tiêu thụ		4.000	
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	60	132
4	Tỷ lệ cổ tức	%	25-30	83-100

Do giá nguyên liệu đầu vào đang ở mức cao, tỷ giá và lãi suất ngân hàng chưa giảm nhiều, vì vậy nếu lợi nhuận trước thuế đạt 60 tỷ thì tỷ lệ chi trả cổ tức dự kiến là 30%, nếu dưới mức 60 tỷ thì tỷ lệ chi trả cổ tức dự kiến là 25%.



4.2. Mục tiêu

- Giữ vững thương hiệu quốc gia.
- Tiếp tục là Doanh nghiệp Khoa học Công nghệ với tỷ lệ sản phẩm khoa học công nghệ đạt trên 70% tổng doanh thu của Công ty.
- Đảm bảo hài hòa lợi ích của các cổ đông, cũng như quyền lợi của người lao động trong Công ty.
- Duy trì và vận hành tốt hệ thống phần mềm quản trị doanh nghiệp ERP. Tiến tới số hóa văn phòng điện tử để quản lý toàn bộ Công ty.



4.3. Giải pháp và biện pháp thực hiện Kế hoạch kinh doanh năm 2023.

4.3.1. Đối với sản xuất kinh doanh sơn, nhựa

Đối với sơn dân dụng:

- Phát triển và củng cố hệ thống đại lý trên toàn quốc, đẩy mạnh quảng bá truyền thông, xây dựng hình ảnh và nhận diện thương hiệu. Tiêu chuẩn hóa quản lý và điều hành hệ thống đại lý, đưa ứng dụng CNTT vào việc quản lý, xây dựng hệ thống đại lý một cách khoa học với mục tiêu phát triển sâu rộng hệ thống đại lý và nhà phân phối sơn dân dụng, sơn kết cấu thép, sơn phi, sơn chống hà gỗ tại các tỉnh phía Nam.
- Lấy sản phẩm sơn thép mạ kẽm AC-Zn và sơn Economy làm chủ đạo xây dựng và phát triển thị trường này. Phát triển thêm dòng sơn nhanh khô AK-QD(ĐB) cho các nhà máy từ Bắc vào Nam, tập trung đẩy mạnh phát triển thị trường sơn dân dụng tại các tỉnh từ phía Bắc đến các tỉnh Miền Trung. Nghiên cứu và phát triển thêm cho dòng sơn dân dụng đáp ứng nhu cầu về đa dạng màu để đẩy mạnh phát triển thị trường cho dòng sơn này.

Về sơn tàu biển và công nghiệp:

- Giữ vững và ổn định cung cấp sơn cho các khách hàng truyền thống. Mở rộng thêm thị trường tại các tỉnh thành phố.
- Rà soát toàn bộ kế hoạch đóng mới của các nhà máy đóng tàu, đặc biệt các xưởng tư nhân đóng mới các tàu SB, tàu du lịch.....

4.3.1. Đối với sản xuất kinh doanh sơn, nhựa (Tiếp)

- Tập trung mảng sơn cung cấp cho khách hàng Quân đội.
- Nghiên cứu các hệ sơn mới như sơn chống hà thể hệ mới tiết kiệm nhiên liệu.
- Làm việc các đơn vị chuyên SX kết cấu thép nhà xưởng.
- Tập trung phát triển cung cấp sơn cho các dự án nhiệt điện, thủy điện và điện gió.

Về sản xuất kinh doanh nhựa, hóa chất:

- Cấp được sản phẩm nhựa kẽm, nhựa polyester đạt yêu cầu của thị trường.
- Tìm hiểu mảng thị trường nhựa composite.
- Ổn định và nâng cao chất lượng của sản phẩm hiện có.

Về sản xuất và kinh doanh sơn tầm thấp:

- Ổn định và cải tiến chất lượng để đáp ứng mọi nhu cầu của khách hàng.
- Giữ vững và ổn định doanh thu đối với các khách hàng truyền thống.
- Tăng sản lượng cung cấp cho khách hàng lớn.
- Tiết kiệm chi phí sản xuất, giữ vững chất lượng sản phẩm.

Về sản xuất sơn Container:

- Làm chủ công nghệ sản xuất khi nhận chuyển giao của CMP.
- Tập trung chạy thử trên dây chuyền tại NM Container Hòa Phát, và chính thức là nhà cung cấp sơn Container cho Tập đoàn Hòa Phát cho những năm tới.

4.3.2. Trung tâm kỹ thuật:

- Tiếp tục đầu tư bổ sung thêm trang thiết bị phục vụ công tác nghiên cứu và phát triển của Trung tâm.
- Tuyển chọn và đào tạo đội ngũ kỹ sư có trình độ nắm chắc công nghệ sản xuất sơn và nhựa.

4.3.3. Đầu tư năm 2023: Tổng đầu tư dự kiến : 100,4 tỷ đồng.

- Đất tại khu CN Nam đình Vũ: 41,4 tỷ. (Nếu xong quy hoạch 1/2000)
- MMTB sản xuất : 9 tỷ
- Đầu tư dây chuyền Nhựa Alkyd tổng hợp tại NM Phía Nam với công suất 30.000 tấn/năm, giai đoạn 1: 15.000 tấn/năm dự kiến mức đầu tư 40- 50 tỷ.

4.3.4. Nhân sự và Đào tạo:

- Năm 2023 tiếp tục tuyển dụng nhân sự đáp ứng nhu cầu của Công ty, ưu tiên nhân sự có trình độ, kinh nghiệm cho phát triển thị trường và hệ thống đại lý, Trung tâm kỹ thuật.
- Tiếp tục thực hiện các chương trình đào tạo nâng cao trình độ, kỹ năng cho người lao động, đáp ứng sự phát triển của Công ty.
- Duy trì tốt các chế độ, chính sách đối với người lao động, tạo dựng mối quan hệ hòa hòa về lợi ích của người lao động với doanh nghiệp, giữ gìn sự đoàn kết, thống nhất nội bộ của Công ty.

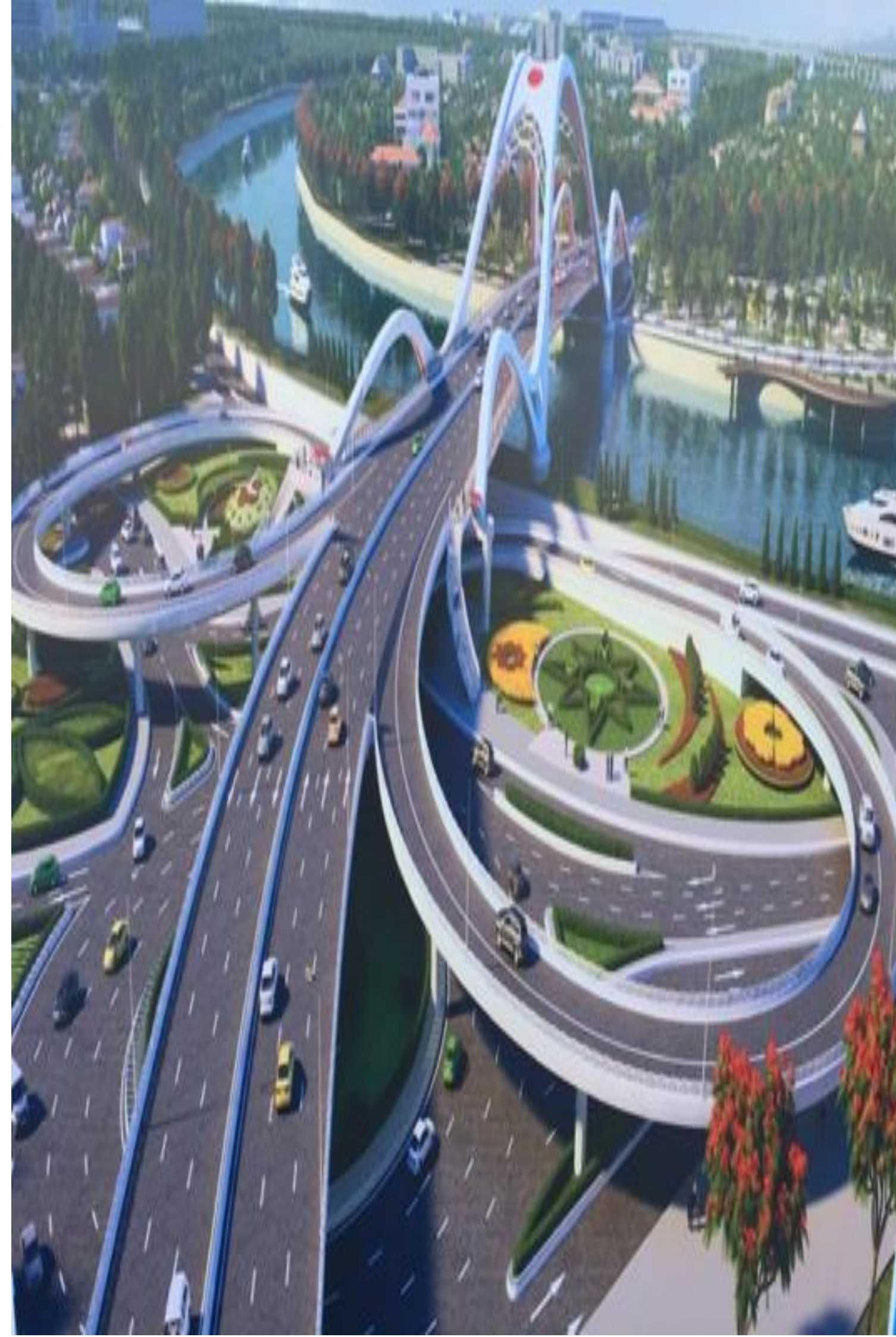


V. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

3. Các kế hoạch, định hướng của HĐQT



1. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT CỦA CÔNG TY

1.1. Đánh giá chung

Năm 2022 là năm có nhiều khó khăn, thách thức lớn, bất ngờ xuất hiện, tác động xấu, nhiều mặt và ảnh hưởng rất nặng nề không chỉ đối với nước ta mà còn đối với toàn thế giới.



Ở trong nước, chúng ta cũng phải đối mặt với không ít khó khăn, thách thức mới, nặng nề hơn: kinh tế tiếp tục

sụt giảm do tác động của đại dịch Covid-19 và sự suy giảm kinh tế thế giới cũng như những biến động bất thường của thị trường tài chính-tiền tệ toàn cầu; giá cả hàng hóa, vật tư, nguyên liệu cho sản xuất, nhất là giá xăng dầu, chi phí đầu vào, vận tải tăng cao, ảnh hưởng hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều doanh nghiệp. Trong đó, các công ty trong ngành Sơn và mực in nói chung đều bị ảnh hưởng rất nghiêm trọng, báo cáo kết quả lỗ hoặc không lợi nhuận, thậm chí ngừng sản xuất cả quý. Với nỗ lực không ngừng nghỉ, Công ty đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận, đặc biệt lần đầu tiên cán mốc doanh thu trên 1000 tỷ đồng.

1.2. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

Công ty đã thực hiện nghiêm túc các quy định về bảo vệ môi trường, xây dựng và duy trì vận hành liên tục hệ thống hệ thống xử lý thân thiện với môi trường theo tiêu chuẩn quốc tế nhằm bảo vệ môi trường xanh sạch đẹp.

Đối với cộng đồng, Công ty đã thể hiện trách nhiệm và ý thức xã hội thông qua các hoạt động vì cộng đồng như: Trợ dưỡng mẹ Việt Nam anh hùng; Trợ dưỡng người tàn tật cô đơn; Ủng hộ đồng bào miền Trung bị ảnh hưởng bởi bão lụt; Ủng hộ bệnh viện Việt Tiệp và Cụm dân cư đường 208 chống dịch bệnh; Tặng quà con người lao động đạt học sinh giỏi, tiên tiến và nhiều hoạt động từ thiện khác.

Công ty luôn thực hiện các chế độ bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm thất nghiệp, ý tế, tai nạn, chế độ phúc lợi, chế độ thai sản, tặng quà sinh nhật, tặng quà ngày Lễ, Tết, quốc khánh, tặng quà sinh nhật và bảo hiểm kết hợp về con người...cho người lao động theo đúng Luật Lao Động và Thỏa ước lao động tập thể của Công ty. Sự quan tâm và hỗ trợ người lao động luôn được cân nhắc tại Công ty. Công ty không ngừng quan tâm, nâng cao đời sống sinh hoạt lành mạnh và sức khỏe cho cán bộ công nhân viên.

Kết quả thực hiện các định hướng chiến lược đề ra

Công ty đã thực hiện tốt:

- Tập trung phát triển thị trường rộng khắp trên cả nước bằng nhiều hình thức, hoàn thiện lại bộ nhận diện thương hiệu mới, Quảng bá rộng rãi hình ảnh Sơn Hải Phòng nhằm đưa sản phẩm sơn Hải Phòng trở nên gần gũi, thân thuộc với từng người dân VN. Công ty tiếp tục là Doanh nghiệp khoa học công nghệ với tỷ lệ sản phẩm khoa học công nghệ đạt trên 70% tổng doanh thu của Công ty.
- Sản phẩm nhựa Alkyd tổng hợp ngày càng được cải tiến với chất lượng tốt, đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng.

- Sản phẩm sơn tấm lợp đã làm chủ được công nghệ, tiếp cận và đã cung cấp vào các Tập đoàn lớn với doanh thu đạt 219% so với cùng kỳ

1.3. Tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2022

- Triển khai thực hiện đầy đủ các nội dung Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2022 thông qua.
- Thực hiện chi trả cổ tức đợt 2 năm 2021 theo đúng thời hạn.
- Thực hiện chi trả tạm ứng cổ tức năm 2022 theo kế hoạch.



2. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY

2.1. Hoạt động quản trị thường kỳ

- Hội đồng Quản trị họp thường kỳ hàng quý thảo luận với Ban điều hành về kết quả hoạt động của Công ty, phân tích đánh giá những mặt được và chưa được, đề ra phương án hành động cho quý tiếp theo nhằm ứng phó với những biến động của nền kinh tế.
- Giám sát việc thực hiện các chỉ tiêu quan trọng trong năm mà Ban điều hành đã cam kết.
- Căn cứ báo cáo của Tổng giám đốc về thực hiện kết quả kinh doanh và tình hình hoạt động trong các cuộc họp định kỳ hàng quý của Hội đồng quản trị để phê



duyet kế hoạch sản xuất kinh doanh cho quý tiếp theo;

- Phối hợp với Ban Kiểm soát nắm tình hình hoạt động của Công ty để từ đó có những kiến nghị thiết thực giúp Ban điều hành hoàn thành tốt nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị giao

2.2. Hoạt động xây dựng chiến lược, kế hoạch kinh doanh

- Phê duyệt Kế hoạch kinh doanh các quý năm 2022.
- Thúc đẩy việc triển khai các chương trình xây dựng năng lực cạnh tranh dài hạn.
- Tổ chức đánh giá các đề án khả thi, dự án đầu tư của công ty.



2.3. Phương hướng hoạt động của hội đồng quản trị năm 2022

- Tiếp tục chiến dịch truyền thông sâu rộng để đưa sản phẩm của Sơn Hải Phòng trở nên gần gũi với mọi người dân, xây dựng Công ty vững mạnh, hiệu quả hơn trên cơ sở sử dụng hợp lý các nguồn lực, nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp.
- Triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Thực hiện chi trả cổ tức đợt 2 năm 2022.
- Đảm bảo giám sát hoạt động của Ban điều hành nhằm mục tiêu hoàn thành tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023.



VI. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

2. Ban kiểm soát

3. Các giao dịch, thù lao và các lợi ích của HĐQT, BKS và BDH



1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1.1. Thành viên và cơ cấu hội đồng quản trị

STT	Thành viên	Chức vụ	Số CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu tính đến ngày 31/12/2022
1	Ông Nguyễn Văn Viện	Chủ tịch HĐQT	615.142	7,68%
2	Ông Nguyễn Văn Dũng	Phó Chủ tịch HĐQT – Tổng giám đốc	330.537	4,13%
3	Bà Bùi Kim Ngọc	Thành viên HĐQT – Kế toán trưởng	236.483	2,95%
4	Ông Vũ Trung Dũng	Thành viên HĐQT – Phó Tổng giám đốc	41.909	0,52%
5	Ông Nguyễn Mộng Lân	Thành viên HĐQT	126.219	1,58%

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm 2022, Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức 05 cuộc họp trực tiếp. Các cuộc họp đều đã được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp. Pháp luật, hồ sơ, tài liệu đã được gửi đầy đủ đến các thành viên tham dự cuộc họp để tham khảo, nghiên cứu theo đúng quy định của Điều lệ.

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Ông Nguyễn Văn Viện	Chủ tịch	5	100%
2	Ông Nguyễn Văn Dũng	Phó Chủ tịch kiêm Tổng giám đốc	5	100%
3	Ông Nguyễn Mộng Lân	Thành viên	5	100%
4	Bà Bùi Kim Ngọc	Thành viên kiêm Kế toán Trưởng	5	100%
5	Ông Vũ Trung Dũng	Thành viên kiêm Phó tổng giám đốc	5	100%

Các nghị quyết quyết định của Hội đồng quản trị ban hành trong năm 2022:

STT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
1	Số: 01/2022-NQ/HĐQT	09/3/2022	Nghị quyết về tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty cổ phần Sơn Hải Phòng.
2	Số 19/NQ-ĐHĐCĐ	22/4/2022	Nghị quyết về thông qua các nội dung của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.
3	Số 02/NQ- HĐQT	06/7/2022	Thông qua thời gian chi trả cổ tức còn lại năm 2021 bằng tiền
4	Số 04/NQ-HĐQT	16/11/2022	Nghị quyết về trả tạm ứng cổ tức năm 2022 bằng tiền

2. BAN KIỂM SOÁT

2.1. Thành viên ban kiểm soát

STT	Thành viên	Chức vụ	Số CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu tính đến ngày 31/12/2022
1	Lã Quỳnh Chi	Trưởng ban kiểm soát	10.838	0,14%
2	Hoàng Thị Thu	Thành viên Ban KS	19.543	0,24%
3	Nguyễn Thị Thanh Trâm	Thành viên Ban KS	40.494	0,51%

2.2. Hoạt động của ban kiểm soát

Số lượng các cuộc họp nội dung và kết quả của các cuộc họp:

Trong năm qua các thành viên Ban Kiểm soát luôn có sự trao đổi ý kiến thường xuyên về các hoạt động của Công ty nhằm đảm bảo Ban Kiểm soát hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình.

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp kiểm soát	Tỷ lệ tham dự họp
1	Lã Quỳnh Chi	Trưởng ban kiểm soát	04	100%
2	Hoàng Thị Thu	Thành viên Ban KS	04	100%
3	Nguyễn Thị Thanh Trâm	Thành viên Ban KS	04	100%

Trong năm 2022 Ban kiểm soát đã có những đánh giá với các quyết định của Hội đồng quản trị như sau:

- Ban kiểm soát đồng ý với chính sách tài chính, đầu tư phát triển, điều hành của Ban điều hành.
- Các vấn đề, quyết định quan trọng của Hội đồng Quản trị, Ban điều hành không gây thiệt hại cho các cổ đông.

3. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BKS VÀ BDH

3.1. Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

Thù lao thành viên Hội đồng quản trị:

Họ và tên	Chức danh	Thù lao năm 2022 (VND)
Ông Nguyễn Văn Viện	Chủ tịch HĐQT	-
Ông Nguyễn Văn Dũng	Thành viên HĐQT	-
Ông Vũ Trung Dũng	Thành viên HĐQT	-
Bà Bùi Kim Ngọc	Thành viên HĐQT	-
Ông Nguyễn Mộng Lân	Thành viên HĐQT	-

Thù lao thành viên ban kiểm soát:

Họ và tên	Chức danh	Thù lao năm 2022 (VND)
Bà Lã Quỳnh Chi	Trưởng BKS	-
Bà Hoàng Thị Thu	Thành viên BKS	-
Bà Nguyễn Thị Thanh Trâm	Thành viên BKS	-

Năm 2022 do nhận thấy Công ty cần tập trung đầu tư cho sản xuất kinh doanh, mở rộng thị trường tiết kiệm chi phí, do vậy Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát quyết định không nhận thù lao cả năm. Tổng tiền thù lao đã chi trả là : **Không đồng**

Tiền lương của Tổng giám đốc và người quản lý khác:

Họ và tên	Chức danh	Tiền lương năm 2022 (VND)
Ông Nguyễn Văn Viện	Chủ tịch HĐQT	14.500.000
Ông Nguyễn Mộng Lân	Thành viên HĐQT	11.000.000
Ông Nguyễn Văn Dũng	Tổng giám đốc	2.075.421.366
Ông Vũ Trung Dũng	Phó Tổng giám đốc	1.099.178.382
Bà Bùi Kim Ngọc	Kế toán trưởng	1.135.645.843
Bà Lã Quỳnh Chi	Trưởng BKS	11.000.000
Bà Hoàng Thị Thu	Thành viên BKS	694.702.081
Bà Nguyễn Thị Thanh Trâm	Thành viên BKS	260.942.535

3.2. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của Công ty

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Nguyễn Thị Xuân Dung	Vợ Chủ tịch HĐQT	397.904	4,97	548.204	6,84	Mua

3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ

Không có

3.4. Đánh giá về việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty

- Trong năm 2022, Hội đồng Quản trị thực hiện một cách cẩn trọng, nghiêm túc các công tác quản trị doanh nghiệp, phát triển thương hiệu, quan hệ nhà đầu tư, chiến lược kinh doanh ... theo đúng phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.
- Hội đồng Quản trị duy trì họp định kỳ mỗi quý ít nhất một lần theo quy định tại Điều lệ Công ty để xem xét quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị với sự tham gia của Ban Tổng Giám Đốc.
- Hội đồng Quản trị đã phân công nhiệm vụ cụ thể đến các thành viên, tăng cường vai trò tham mưu của các Cán bộ quản lý. Các thành viên Hội đồng Quản trị cũng đã duy trì tốt mối quan hệ hài hòa giữa lợi ích của Công ty và Người lao động.



VII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2022

1. Bảng cân đối kế toán

2. Báo cáo kết quả hoạt động
kinh doanh

3. Bảng lưu chuyển tiền tệ

4. Thuyết minh báo cáo tài
chính



CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HẢI PHÒNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HẢI PHÒNG

Số 12 Lạch Tray, phường Lạch Tray, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 43

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HẢI PHÒNG

Số 12 Lạch Tray, phường Lạch Tray, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Quyết định số 3419/QĐ-UB ngày 26/12/2003 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hải Phòng về chuyển đổi Công ty Sơn Hải Phòng thành Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203000681 (Mã số mới 02000575580) ngày 02/01/2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp; trong quá trình hoạt động kinh doanh Công ty có thay đổi đăng ký các lần; đăng ký thay đổi lần thứ 09 ngày 26/4/2018 về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200057558, đăng ký thay đổi lần thứ 09 ngày 26/4/2018 là: 80.071.770.000 đồng (Bằng chữ: Tám mươi tỷ, không trăm bảy mươi một triệu, bảy trăm bảy mươi nghìn đồng).

Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HẢI PHÒNG.**

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: HAIPHONG PAINT JOINT STOCK COMPANY.

Tên viết tắt: HAIPHONGPAINT.

Cổ phiếu của Công ty đang được giao dịch trên sàn UpCOM với mã HPP.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 12 Lạch Tray, phường Lạch Tray, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Viện	Chủ tịch HĐQT không điều hành
Ông Nguyễn Văn Dũng	Phó Chủ tịch
Ông Vũ Trung Dũng	Thành viên
Bà Bùi Kim Ngọc	Thành viên
Ông Nguyễn Mạnh Lân	Thành viên không điều hành

Ban Kiểm soát

Bà Lê Quỳnh Chi	Trưởng Ban kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Thanh Trâm	Thành viên
Bà Hoàng Thị Thu	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Dũng	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Trung Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Bà Bùi Kim Ngọc	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/01/2023)

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HẢI PHÒNG

Số 12 Lạch Tray, phường Lạch Tray, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nếu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính hợp nhất để Báo cáo tài chính hợp nhất không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Văn Dũng
Tổng Giám đốc
Hải Phòng, ngày 24 tháng 3 năm 2023

Số: 143/2023/BCKTHN-CPA VIETNAM-NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng, được lập ngày 24 tháng 3 năm 2023, từ trang 06 đến trang 43, bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2022, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Vũ Ngọc Ân
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0496-2023-137-1
Giấy Ủy quyền số: 01/2023/UQ-CPA VIETNAM ngày 03/01/2023 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc
Thay mặt và đại diện
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM
Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT
Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2023



Nguyễn Thị Tiên
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 5276-2021-137-1

Số Giấy Ủy quyền số: 01/2023/UQ-CPA VIETNAM ngày 03/01/2023 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		878.508.983.591	769.557.007.558
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	51.982.806.306	21.194.010.210
1. Tiền	111		25.482.806.306	21.194.010.210
2. Các khoản tương đương tiền	112		26.500.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		171.688.313.750	175.738.313.750
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	171.688.313.750	175.738.313.750
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		415.362.241.346	320.311.191.498
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	304.223.566.619	262.914.336.712
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		58.438.737.482	14.487.036.705
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	9.606.784.875
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	56.447.532.327	37.165.628.288
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(3.747.595.082)	(3.862.595.082)
IV. Hàng tồn kho	140		236.638.580.326	249.470.326.624
1. Hàng tồn kho	141	5.6	237.913.387.470	251.587.135.494
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.274.807.144)	(2.116.808.870)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.837.041.863	2.843.165.476
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	2.384.930.654	1.025.971.520
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		82.543.771	1.797.679.964
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.12	369.567.438	19.513.992
B- TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+240+250+260)	200		334.688.513.411	332.832.104.936
II. Tài sản cố định	220		107.022.936.053	119.134.362.179
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	105.470.704.415	116.878.802.509
- Nguyên giá	222		282.381.401.717	276.722.553.470
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(176.910.697.302)	(159.843.750.961)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	1.552.231.638	2.255.559.670
- Nguyên giá	228		8.063.781.469	8.063.781.469
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(6.511.549.831)	(5.808.221.799)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		4.406.311.287	472.383.513
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.10	4.406.311.287	472.383.513
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	219.911.205.649	212.551.514.244
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		163.585.482.062	158.225.790.657
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		51.060.883.587	51.060.883.587
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(7.735.160.000)	(7.735.160.000)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	5.2	13.000.000.000	11.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		3.348.060.422	673.845.000
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	3.348.060.422	673.845.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		1.213.197.497.002	1.102.389.112.494

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		773.716.554.704	657.009.213.105
I. Nợ ngắn hạn	310		742.071.860.089	615.596.257.757
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	175.517.597.451	180.556.629.847
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.804.922.175	1.157.874.406
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	3.020.059.734	1.972.565.560
4. Phải trả người lao động	314		3.992.723.044	6.298.243.344
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	9.003.166.687	9.394.118.321
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	15.743.802.100	16.635.827.768
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.15	539.433.344.102	406.598.424.501
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		(7.443.755.234)	(7.017.425.990)
II. Nợ dài hạn	330		31.644.694.645	41.412.955.348
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.15	31.644.694.645	41.412.955.348
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		439.480.942.298	445.379.899.389
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.16	439.480.942.298	445.379.899.389
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		80.071.770.000	80.071.770.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		80.071.770.000	80.071.770.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		10.787.152.766	10.787.152.766
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		7.250.586.886	7.250.586.886
4. Cổ phiếu quỹ	415		(467.410.000)	(467.410.000)
7. Quỹ đầu tư phát triển	418		284.668.319.513	252.418.906.471
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		38.511.707.513	73.744.523.927
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		5.768.147.944	7.637.331.021
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		32.743.559.569	66.107.192.906
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		18.658.815.620	21.574.369.339
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		1.213.197.497.002	1.102.389.112.494

Người lập

Đoàn Thị Dung

Đoàn Thị Dung

Phó Trưởng phòng TCKT

Đoàn Thị Dung

Đoàn Thị Dung

Hải Phòng, ngày 24 tháng 3 năm 2023

Tổng Giám đốc
Nguyễn Văn Đông



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	1.218.108.764.018	1.031.209.456.705
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.1	1.193.581.862	1.014.391.645
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 - 01 - 02)	10	6.1	1.216.915.182.156	1.030.195.065.060
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	1.051.215.893.244	855.902.883.929
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 - 10 - 11)	20		165.699.288.912	174.292.181.131
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	15.233.855.552	16.440.192.928
7. Chi phí tài chính	22	6.4	40.384.177.727	24.510.875.544
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		23.728.269.392	22.286.971.975
8. Phần lãi (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	24		(7.153.644.392)	(2.225.744.243)
9. Chi phí bán hàng	25	6.5	67.826.571.104	64.258.350.589
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	25.931.518.597	24.702.123.813
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 - 20+(21-22)+24-(25+26)}	30		39.637.232.644	75.035.279.870
12. Thu nhập khác	31	6.6	372.733.840	770.549.718
13. Chi phí khác	32	6.6	117.609.363	278.708.524
14. Lợi nhuận khác (40 - 31 - 32)	40	6.6	255.124.477	491.841.194
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 - 30 + 40 + 45)	50		39.892.357.121	75.527.121.064
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	6.808.875.999	4.299.503.039
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 - 50 - 51 - 52)	60		33.083.481.122	71.227.618.025
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		32.743.559.569	66.890.654.650
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		339.921.553	4.336.963.375
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.8	4.113	6.706

Hải Phòng, ngày 24 tháng 3 năm 2023

Người lập

Phó Trưởng phòng TCKT

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Dũng

Đoàn Thị Dung

Đoàn Thị Dung

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		39.892.357.121	75.527.121.064
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		17.979.055.643	19.110.961.299
- Các khoản dự phòng	03		(957.001.726)	555.303.223
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(297.840.350)	(72.338.999)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(6.750.767.734)	(13.727.691.475)
- Chi phí lãi vay	06		23.728.269.392	22.286.971.975
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		73.594.072.346	103.680.327.087
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(115.516.551.386)	(36.464.087.718)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		13.673.748.024	(89.948.992.220)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(8.578.281.239)	114.567.082.441
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(4.033.174.556)	(376.965.094)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(22.697.069.392)	(22.357.171.975)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(8.222.737.865)	(4.645.800.027)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(14.122.411.606)	(18.319.049.687)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(85.902.405.674)	46.135.342.807
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(9.801.557.291)	(17.654.561.816)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(16.386.215.125)	(119.585.098.625)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		28.043.000.000	26.590.000.000
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		3.000.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		9.458.840.908	5.838.980.949
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		14.314.068.492	(104.810.679.492)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền thu từ đi vay	33		1.140.280.856.253	959.217.393.454
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.017.214.197.355)	(868.795.164.770)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(20.853.352.950)	(23.827.483.425)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		102.213.305.948	66.594.545.259
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 - 20+30+40)	50		30.624.968.766	7.919.208.574
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		21.194.010.210	13.202.462.637
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		163.827.330	72.338
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 - 50+60+61)	70	5.1	51.982.806.306	21.194.010

Hải Phòng, ngày 24 tháng 3 năm 2023

Người lập

Phó Trưởng phòng TCKT

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Dũng

Đoàn Thị Dung

Đoàn Thị Dung

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

I.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng được thành lập theo Quyết định số 3419/QĐ-UB ngày 26/12/2003 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hải Phòng về chuyển đổi Công ty Sơn Hải Phòng thành Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203000681 (Mã số mới 02000575580) ngày 02/01/2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp; trong quá trình hoạt động kinh doanh Công ty có thay đổi đăng ký các lần; đăng ký thay đổi lần thứ 09 ngày 26/04/2018 về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 02000575580 đăng ký thay đổi lần thứ 09 ngày 26/04/2018 là: 80.071.770.000 đồng (Bằng chữ: Tám mươi ty, không trăm bảy mươi mốt triệu, bảy trăm bảy mươi nghìn đồng).

Cổ phiếu của Công ty đang được giao dịch trên sàn UpCOM với mã HPP.

Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HẢI PHÒNG.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: HAIPHONG PAINT JOINT STOCK COMPANY.

Tên viết tắt: HAIPHONGPAINT.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 12 Lạch Tray, phường Lạch Tray, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

Tổng số lao động của Công ty và các Công ty con tại ngày 31/12/2022 là 287 người (Tại ngày 31/12/2020 là 274 người).

I.2. Ngành, nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành, nghề kinh doanh của Công ty theo đăng ký kinh doanh:

- Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét trơng tự; sản xuất mực in và ma tít;
- Bán buôn chuyên kinh doanh khác chưa được phân vào đầu, chi tiết: Bán buôn hóa chất thông thường (trừ loại sử dụng nông nghiệp);
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng, chi tiết: Sản xuất Sơn;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác, chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy công nghiệp;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng ô tô, xe container, xe bồn, xe téc;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc sở hữu, chủ sử dụng hoặc cho thuê (bao gồm cho thuê nhà ở, văn phòng, kho bãi, nhà xưởng);
- Vận tải hành khách ven biển và viễn dương;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Vận tải hành khách đường bộ khác (Chi tiết Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh, Vận tải hành khách bằng ô tô theo tuyến cố định và theo hợp đồng);
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động, chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (trừ quầy bar);
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày, Chi tiết: Khách sạn;
- Đại lý du lịch;

- Xuất nhập khẩu hàng hóa;
- Sản xuất sản phẩm từ Plastic;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đầu, chi tiết: Dịch vụ tư vấn chuyên giao công nghệ sản xuất sơn, véc ni, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh; Dịch vụ tư vấn hỗ trợ phát triển, bảo vệ thương hiệu doanh nghiệp, nhãn hiệu sản phẩm;
- Nghiên cứu phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật;
- Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao;
- Bán buôn thực phẩm;
- Dịch vụ phục vụ đồ uống (trừ quầy bar);
- Hoạt động của các cơ sở thể thao;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải/.

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Sản xuất sơn các loại.

I.3. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

I.4. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2022, Công ty có Công ty con và Công ty liên doanh liên kết như sau:

Tên	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty con					
Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng 2	Hải Phòng	Sản xuất và kinh doanh sơn	51%	51%	51%
Công ty TNHH Nhựa Phoenix	Hải Phòng	Sản xuất và kinh doanh sơn	100%	100%	100%
Công ty liên doanh, liên kết					
Công ty Cổ phần Sơn Dầu khí Việt Nam	TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất và kinh doanh sơn các loại	31,21%	31,21%	31,21%
Công ty Cổ phần Tập đoàn VLC	Hải Phòng	Sản xuất và kinh doanh sơn các loại	56,28%	32,94%	56,28%
Công ty CP Bất động sản Sơn và Hóa chất Á Châu (Tỷ lệ sở hữu trực tiếp 26,6%, tỷ lệ sở hữu gián tiếp qua Công ty CP Sơn Hải phòng 2 là 095% vốn điều lệ)	Hải Phòng	Sản xuất và kinh doanh sơn các loại	27,55%	27,55%	27,55%
Công ty TNHH sơn Samhwa Hải Phòng	Hải Phòng	Sản xuất và kinh doanh sơn các loại	50%	50%	50%
Công ty TNHH Sơn bột VLC (Tỷ lệ sở hữu trực tiếp là 25%, tỷ lệ sở hữu gián tiếp thông qua Công ty cổ phần Sơn Hải phòng số 2 là 20,61% vốn điều lệ.	Bình Dương	Sản xuất và kinh doanh Sơn các loại	45,61%	45,61%	45,61%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014; Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là có thể so sánh được.

2. KÝ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Ký kế toán năm

Ký kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập phù hợp với Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, cụ thể:

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các Công ty do Công ty kiểm soát (các Công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các Công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các Công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các Công ty trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại Công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính (Tiếp theo)

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Công ty con được hợp nhất

Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng số 2 được thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0203003498 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 25/9/2007, đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 04 tháng 07 năm 2014. Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng sở hữu 51% vốn điều lệ.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: Haiphong Paint Joint Stock Company No.2.

Vốn điều lệ : 20.850.950.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty tại Khu Công nghệ Tráng Dệt, xã Hồng Phong, huyện An Dương, Hải Phòng.

Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất sơn, véc ni và các hóa chất sơn, quét tương tự, ma tít; mực in...

Công ty TNHH Nhựa Phoenix được thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0201880643 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 01/6/2018.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: Phoenix Resin Limited Company.

Vốn điều lệ : 6.000.000.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty tại số 12 Lạch Tray, phường Lạch Tray, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng.

Ngành nghề kinh doanh: Bán buôn các loại nhựa nguyên sinh, hạt nhựa màu, nhựa Alkyd, bán buôn hóa chất, bán buôn sơn công nghiệp.....

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 được hợp nhất trên cơ sở Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng, Công ty con của Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng là Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng số 2, Công ty TNHH Nhựa Phoenix.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất

- (i) Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (Tiền, Nợ phải thu,...): Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP Công ty mở tại ngày 31/12/2022.
- (ii) Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay,...): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Công ty mở tại ngày 31/12/2022.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào Doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý căn cứ vào khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

Các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh, Công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá xuất kho được tính theo phương pháp giá bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phân ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc, thiết bị	10
Phương tiện vận tải	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	06 - 10
Tài sản cố định hữu hình khác	03 - 08

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm tin học, bản quyền sáng chế, hệ thống quản lý môi trường và tài sản cố định vô hình khác được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định vô hình khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian 6 năm.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các loại chi phí sau: Chi phí quảng cáo, chi phí sửa chữa tài sản cố định và chi phí mua công thức sơn. Chi phí quảng cáo, chi phí sửa chữa tài sản cố định được phân bổ vào chi phí không quá 12 tháng. Chi phí sửa chữa tài sản cố định, chi phí mua công thức sơn được phân bổ vào chi phí không quá 36 tháng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tố phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gồm như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa Công ty mẹ và Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận vay

Bao gồm các khoản tiền vay, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí lãi vay, chi phí bản quyền trả: Trích trước theo thời gian thực hiện hợp đồng;
- Trích trước chi phí vật tư đã mua nhưng chưa nhận được hóa đơn; Trích trước chi phí lãi vay theo hợp đồng.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên Bảng Cân đối kế toán

Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán các sản phẩm, hàng hoá là sơn các loại.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác:

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

- Hàng bán bị trả lại: do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì Công ty ghi nhận theo nguyên tắc:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: Ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ lập báo cáo.
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: Ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa được ghi nhận phù hợp với doanh thu tiêu thụ trong năm.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong năm chủ yếu bao gồm các chi phí sau:

- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.
- Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một năm.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- **Thuế thu nhập doanh nghiệp Công ty mẹ:** Công ty được cấp Giấy chứng nhận là doanh nghiệp khoa học và công nghệ số 06/DNKHCN ngày 18/9/2015. Do vậy, Công ty hưởng chính sách ưu đãi thuế TNDN như sau: Hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong thời gian mười lăm năm (15) năm và được miễn thuế TNDN trong bốn (4) năm, giảm 50% số thuế TNDN phải nộp trong chín (9) năm tiếp theo với nguyên tắc quy định Luật thuế TNDN và Công văn số 2173/CT-TT&HT ngày 21/9/2016 của Cục thuế Hải Phòng về việc giải đáp chính sách thuế. Năm 2022, đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh sơn các loại, Công ty hết thời gian được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp và Công ty đang được hưởng ưu đãi thuế với thuế suất 10%. Đối với hoạt động cho thuê du thuyền, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp Công ty con - Công ty Cổ phần Sơn Hải phòng 2:

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 02221000017 do Ban Quản lý Các Khu Chế xuất và Công nghiệp Hải Phòng cấp ngày 19/6/2008, Công ty được ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp cho dự án Nhà máy Sơn tĩnh điện và Sơn nước như sau: Miễn Thuế thu nhập doanh nghiệp trong 03 (ba) năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (từ năm 2009 đến hết năm 2011) và giảm 50% số thuế phải nộp cho 07 (bảy) năm tiếp theo (từ năm 2012 đến hết năm 2020). Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 15% trong vòng 12 năm kể từ khi có dự án bắt đầu hoạt động kinh doanh. Năm 2020 là năm thứ 10 (mười) Công ty được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp.

Theo Công văn số 1375/TCT-CS ngày 14/4/2015 của Tổng cục thuế hướng dẫn về ưu đãi thuế TNDN đối với các doanh nghiệp hoạt động trong khu công nghiệp Trảng Duyệt. Công ty hưởng ưu đãi thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp là 10%, miễn 4 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo cho thời gian còn lại từ kỳ tính thuế năm 2015. Cụ thể: Thuế suất ưu đãi 15% từ năm 2008 đến 2014 và 10% từ năm 2015 đến năm 2022; thời gian miễn thuế từ năm 2009 đến năm 2011 và giảm 50% cho 9 năm tiếp theo từ năm 2012 đến năm 2020.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cũng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh Sơn các loại và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam theo đó không lập Báo cáo bộ phận.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CẢN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Tiền mặt	3.525.509.984	3.078.963.301
Tiền gửi ngân hàng	21.957.296.322	18.115.046.909
Các khoản tương đương tiền	26.500.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	26.500.000.000	-
Tổng	51.982.806.306	21.194.010.210

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.2 Các khoản đầu tư tài chính

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đơn vị tính: VND

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	171.688.313.750	171.688.313.750	175.738.313.750	175.738.313.750
- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác	171.688.313.750	171.688.313.750	175.738.313.750	175.738.313.750
Dài hạn	13.000.000.000	13.000.000.000	11.000.000.000	11.000.000.000
- Trái phiếu (*)	13.000.000.000	13.000.000.000	11.000.000.000	11.000.000.000
Tổng	184.688.313.750	184.688.313.750	186.738.313.750	186.738.313.750

(*): (1): Giấy chứng nhận quyền sở hữu trái phiếu Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam phát hành ra công chúng năm 2020 đáo hạn năm 2030 (Mã số: CTG2030T2/01-542); Số lượng: 50.000 trái phiếu tại ngày 30/7/2020, mệnh giá trái phiếu: 100.000 VND/Trái Phiếu; kỳ hạn trái phiếu: 10 năm, lãi suất: áp dụng cho toàn bộ hạn 10 (mười) năm là lãi suất thả nổi và bằng Lãi Suất Tham Chiếu + biên độ 1.0%/năm; hình thức trái Phiếu: Trái phiếu được phát hành dưới hình thức bút toán ghi sổ. Trái phiếu này đang được cầm cố, thế chấp tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam. Ngày phát hành: Ngày 30/07/2020 - ngày đáo hạn: Ngày 30/7/2030.

(2): Giấy chứng nhận quyền sở hữu trái phiếu Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam đợt phát hành ngày 24/12/2020 (Mã trái phiếu: AGRIBANK202703); Số lượng 1.000 trái phiếu phổ thông tại ngày 24/12/2020, mệnh giá Trái Phiếu: 1.000.000 VND/Trái phiếu; tổng mệnh giá Trái Phiếu: 1.000.000.000 VND (Một tỷ đồng), kỳ hạn 7 năm; lãi suất áp dụng cho toàn bộ kỳ hạn 07 năm là lãi suất thả nổi được xác định theo công thức sau: (Lãi suất = Lãi suất tham chiếu + Biên độ, trong đó: Mức cộng biên độ hàng năm cho 05 năm đầu tiên là 1.3%/năm, mức cộng biên độ năm thứ 05 và năm thứ 07 mỗi năm là 1.5%/năm; hình thức trái phiếu: Trái phiếu ghi danh được phát hành theo hình thức Ghi sổ. Trái phiếu này đang được cầm cố, thế chấp tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam. Ngày phát hành: 24/12/2020, ngày đáo hạn: 24/12/2027.

(3): Giấy chứng nhận quyền sở hữu trái phiếu ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam phát hành ra công chúng năm 2021 đáo hạn năm 2031; Mã số: CTG2131T2; Số lượng: 50.000 trái phiếu tại ngày 18/11/2021, mệnh giá trái phiếu: 100.000 VND/Trái Phiếu; kỳ hạn trái phiếu: 10 năm, lãi suất: áp dụng cho toàn bộ hạn 10 (mười) năm là lãi suất thả nổi và bằng Lãi Suất Tham Chiếu + biên độ 1.0%/năm; hình thức trái Phiếu: Trái phiếu được phát hành dưới hình thức bút toán ghi sổ. Ngày phát hành: Ngày 18/11/2021 - ngày đáo hạn: Ngày 18/11/2031, Trái phiếu đã được dùng để cầm cố tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Ngô Quyền theo Hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá Số 01.TP/2021/HĐBĐ/NHCT168-TRAIPIEUSONH.

(4): Trái phiếu AGRIBANK223001, ngày phát hành: 30/12/2022, mệnh giá 100.000 đồng, số lượng: 20.000 trái phiếu, tổng giá trị 2.000.000.000 đồng. Kỳ hạn trái phiếu: 8 năm, trả lãi định kỳ 1 năm một lần, Lãi suất áp dụng thả nổi, được tính bằng lãi suất tham chiếu (bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng VND, kỳ hạn 12 tháng, trả lãi cuối kỳ được niêm yết của bốn ngân hàng BIDV, Vietinbank, Agribank, Vietcombank tại ngày xác định lãi suất) cộng biên độ 1,6%/năm vào 5 năm đầu và 3,1%/năm vào 3 năm cuối.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.2 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)**b. Đầu tư tài chính dài hạn**

	Vốn		Tỷ lệ		31/12/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	năm giữ	hiệu quyết	Quyền	Số lượng cổ	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá trị hợp lý
			biểu quyết	phiếu năm giữ				
Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết					163.585.482.662	-	158.225.790.657	-
Công ty Cổ phần Sơn Dầu khí Việt Nam	31,21%	31,21%	112.370	112.370	18.498.722.853	-	18.546.801.553	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn VLC	56,28%	32,04%	2.840.800	2.840.800	27.923.544.317	-	27.904.996.853	-
Công ty Cổ phần Bất động sản Sơn và Hóa chất Á Châu (2)	27,55%	27,55%	11.020.298	11.020.298	99.838.558.786	-	100.916.285.222	-
Công ty TNHH Sơn Sambwa Hải Phòng (5)	50%	50%			11.812.600.915	-	10.857.707.029	-
Công ty TNHH Sơn bột VLC (1)	45,61%	45,61%			5.462.055.191	-	-	-
Đầu tư vào đơn vị khác					51.060.883.587	(7.735.160.000)	51.868.883.587	(7.735.160.000)
Công ty Cổ phần Giải pháp Sơn chuyên nghiệp PAINTPRO	18,34%	18,64%	441.146	441.146	4.484.759.811	(4.335.160.000)	4.484.759.811	(4.335.160.000)
Công ty TNHH VICO (3)	12%	12%			12.132.544.050	-	12.132.544.050	-
Công ty Cổ phần SIVICO (4)	7%	7%	202.500	202.500	1.243.579.776	-	1.243.579.776	-
Công ty Cổ phần Bao Bì VLC	5%	5%	140.000	140.000	1.400.000.000	-	1.400.000.000	-
Công ty CP Tồn trợ màu Việt Pháp			340.000	340.000	3.400.000.000	(3.400.000.000)	3.400.000.000	(3.400.000.000)
Ủy thác cho Công ty cổ phần Tập đoàn VLC đầu tư					28.400.000.000	-	28.400.000.000	-
Tổng					214.646.365.649	(7.735.160.000)	209.286.674.244	(7.735.160.000)

22

CÔNG TY CỔ PHẦN SON HẢI PHÒNG

Số 12 Lạch Tray, phường Lạch Tray,

quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.2 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

(1) Trong năm 2022, Công ty có thực hiện chuyển nhượng một phần số cổ phần tại Công ty TNHH Sơn bột VLC, Vốn điều lệ của Công ty là 12.000.000.000 đồng, Công ty cổ phần Sơn Hải Phòng sau chuyển nhượng là 3.000.000.000 đồng, tỷ lệ sở hữu trực tiếp là 25% vốn điều lệ. Công ty cổ phần Sơn Hải Phòng 2 chuyển nhượng cổ phần tại Công ty TNHH Sơn bột VLC, sau chuyển nhượng là 4.920.000.000 đồng, tỷ lệ sở hữu 41% vốn điều lệ.

(2) Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Bất động sản Sơn và Hóa chất Á Châu và được chia cổ tức bằng cổ phiếu với số lượng là 791.830 cổ phiếu. Do vậy, số cổ phiếu Công ty nắm giữ là 10.657.530 cổ phiếu. Số cổ phần Công ty con của Công ty cổ phần Sơn Hải Phòng nắm giữ tại Công ty Cổ phần Bất động sản Sơn và Hóa chất Á Châu là 711.310 cổ phiếu.

(3) Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Vico, trong năm 2018 Công ty chia lợi nhuận năm 2017 tăng vốn góp các thành viên là 6.066.272.000 đồng và Công ty Sơn Hải Phòng góp vốn bổ sung vốn là 6.066.272.000 đồng. Năm 2020, Công ty TNHH Vico tăng vốn 15% bằng lợi nhuận năm 2019 tương đương với số tiền là 2.729.822.000 đồng.

(4) Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần SIVICO và được chia cổ tức bằng cổ phiếu với số lượng là 78.142 cổ phiếu. Do vậy, số cổ phiếu Công ty nắm giữ là 202.500 cổ phiếu.

(5) Trong năm, Công ty có thực hiện góp vốn bổ sung vào Công ty TNHH Sơn Sambwa Hải Phòng theo Thông báo số 05/2022/SAMBHACO-TB ngày 30/8/2022 của Công ty TNHH Sơn Sambwa Hải Phòng

(*): Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do các khoản đầu tư này chưa niêm yết và Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

23

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.3 Các khoản phải thu khách hàng

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn	304.223.566.619	262.914.336.712
Công ty TNHH Sơn Samhwa Hải Phòng	81.692.391.164	75.112.595.935
Công ty Cổ phần Sản xuất bảo hộ lao động và thương mại Sơn Linh	-	743.273.848
Công ty Cổ phần Sơn và hóa chất Hoa Phượng	-	2.320.590.091
Công ty Cổ phần Sơn Quang Huy	-	-
Phải thu các đối tượng khác	222.531.175.455	184.737.876.838
Tổng	304.223.566.619	262.914.336.712
<i>Trong đó phải thu các bên liên quan (Chi tiết xem tại thuyết minh 7.1)</i>	<i>81.692.391.164</i>	<i>75.809.382.582</i>

5.4 Phải thu khác

Đơn vị tính: VND

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị ghi số	Dự phòng	Giá trị ghi số	Dự phòng
Phải thu ngắn hạn khác	56.447.532.327	-	37.165.628.288	-
Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV quốc tế Chaitane - Chi nhánh Hà Nội	1.835.556.982	-	3.124.314.646	-
Phải thu từ đầu tư vốn và có tác	22.656.309.252	-	19.879.138.034	-
Tạm ứng	1.365.832.890	-	2.913.248.306	-
Ký cược, ký quỹ	16.511.224.520	-	1.358.188.085	-
Phải thu khác	14.078.608.683	-	9.890.739.217	-
Tổng	56.447.532.327	-	37.165.628.288	-
<i>Trong đó phải thu các bên liên quan (Chi tiết xem tại Thuyết minh 7.1)</i>	<i>23.338.529.252</i>	<i>-</i>	<i>13.387.337.674</i>	<i>-</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.5 Nợ xấu

Đơn vị tính: VND

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	4.139.644.135	392.049.053	4.507.468.663	644.873.581
<i>Trong đó:</i>	<i>Quá hạn 6 tháng - 01</i>	<i>Quá hạn 01-02 năm</i>	<i>Quá hạn 02-03 năm</i>	<i>Quá hạn trên 3 năm</i>
Công ty TNHH Dương Giang	-	448.623.581	-	-
Công ty Cổ phần Minh Xuân	-	-	-	358.680.064
Công ty TNHH Nhà nước một thành viên công nghiệp tàu thủy Bến Kiển	-	-	-	263.882.194
Công ty cổ phần Sơn Dầu Khí Việt	-	-	-	810.212.094
Công ty Cổ phần Lilama 5	-	-	-	392.388.933
Công ty Cổ phần Thiết kế và Xây dựng Sao Thủy	-	858.206.864	-	-
Công ty TNHH Thương mại và xăng dầu Hoàng Linh	-	-	219.108.246	-
Các đối tượng khác	-	-	-	788.542.159
Tổng	4.139.644.135	392.049.053	4.507.468.663	644.873.581

5.6 Hàng tồn kho

Đơn vị tính: VND

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	159.376.374.175	(506.288.373)	178.385.275.177	(804.975.975)
Công cụ, dụng cụ	1.666.542.457	-	1.856.192.151	-
Chi phí Sản xuất kinh doanh dở dang	1.690.391.192	(179.891.129)	853.843.963	(451.304.109)
Thành phẩm	75.180.079.646	(588.627.642)	67.958.547.651	(860.528.786)
Hàng hóa	-	-	2.533.976.552	-
Tổng	237.913.387.470	(1.274.807.144)	251.587.135.494	(2.116.808.870)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.7 Chi phí trả trước

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Ngắn hạn	2.384.930.654	1.025.971.520
Chi phí Bảo hiểm	-	61.847.396
Chi phí Quảng cáo	1.378.222.000	-
Công cụ dụng cụ phân bổ	303.121.229	402.902.652
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	135.979.047	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	567.608.378	561.221.472
Dài hạn	3.348.060.422	673.845.000
Chi phí trả trước dài hạn khác	464.050.860	-
Công cụ dụng cụ xuất dùng	572.949.566	-
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	83.759.996	310.845.000
CP trả trước mua công thức Sơn	2.227.300.000	363.000.000
Tổng	5.732.991.076	1.699.816.520



CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HẢI PHÒNG

Số 12 Lạch Tray, phường Lạch Tray,
quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.8 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYỄN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2022	77.920.305.610	123.996.365.096	64.241.947.906	10.563.934.858	276.722.553.470
Tăng trong năm	2.104.995.067	4.604.585.807	490.000.000	337.500.000	7.537.080.874
Mua trong năm	2.104.995.067	4.604.585.807	490.000.000	337.500.000	7.537.080.874
Giảm trong năm	-	658.769.032	1.170.954.545	48.509.050	1.878.232.627
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	48.509.050	48.509.050
Thanh lý Công ty con thành Công ty liên kết	-	658.769.032	1.170.954.545	-	1.829.723.577
Số dư tại 31/12/2022	80.025.300.677	127.942.181.871	63.560.993.361	10.852.925.808	282.381.401.717
GIÁ TRỊ HAO MÓN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2022	36.192.568.453	79.388.998.975	37.038.428.814	7.223.754.719	159.843.750.961
Tăng trong năm	3.519.394.330	7.933.645.606	5.032.713.952	789.973.723	17.275.727.611
Khấu hao trong năm	3.519.394.330	7.933.645.606	5.032.713.952	789.973.723	17.275.727.611
Giảm trong năm	-	62.692.672	97.579.548	48.509.050	208.781.270
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	48.509.050	48.509.050
Thanh lý Công ty con thành Công ty liên kế	-	62.692.672	97.579.548	-	160.272.220
Số dư tại 31/12/2022	39.711.962.783	87.359.951.909	41.973.563.218	7.965.219.392	176.910.697.302
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2022	41.727.737.157	44.607.366.121	27.203.519.092	3.340.180.139	116.878.802.509
Tại 31/12/2022	40.313.337.894	40.682.229.962	21.587.430.143	2.887.706.416	105.470.704.415

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng để chấp, cầm cố các khoản vay tại ngày 31/12/2022 là 92.710.294.593 đồng (Tại ngày 31/12/2021 là 33.170.334.715 đồng).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2022 là 67.844.239.731 đồng (Tại ngày 31/12/2021 là 66.864.560.642 đồng).

1/1/2022 1/1/2022 1/1/2022 1/1/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.9 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	31/12/2022		01/01/2022		Tổng
	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy vi tính	Hệ thống quản lý môi trường	TSCĐ vô hình khác	
NGUYỄN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2022	5.038.810.859	2.285.825.903	272.015.238	467.129.469	8.063.781.469
Tăng trong năm	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2022	5.038.810.859	2.285.825.903	272.015.238	467.129.469	8.063.781.469
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2022	3.401.096.836	1.802.805.046	272.015.238	332.304.679	5.808.221.799
Tăng trong năm	497.839.793	153.297.995	-	52.190.244	703.328.032
Khấu hao trong năm	497.839.793	153.297.995	-	52.190.244	703.328.032
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2022	3.898.936.629	1.956.103.041	272.015.238	384.494.923	6.511.549.831
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2022	1.637.714.023	483.020.857	-	134.824.790	2.255.559.670
Tại 31/12/2022	1.139.874.230	329.722.862	-	82.634.546	1.552.231.638

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2022 là 2.055.218.238 đồng (Tại ngày 31/12/2021 là 2.055.218.238 đồng)

5.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Đơn vị tính: VND

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang				
- Chi phí ràng cấp phần mềm	636.500.000	636.500.000	335.000.000	335.000.000
- Dây chuyền máy móc, thiết bị	438.496.369	438.496.369	75.000.000	75.000.000
- Chi tạo sào chừa nhà xưởng sản xuất	3.281.314.918	3.281.314.918	-	-
- Mua sắm tài sản cố định	50.000.000	50.000.000	62.383.513	62.383.513
Tổng	4.406.311.287	4.406.311.287	472.383.513	472.383.513

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.11 Phải trả người bán

Đơn vị tính: VND

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị ghi sổ	Số cơ sở năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số cơ sở năng trả nợ
Ngắn hạn	175.517.597.451	175.517.597.451	180.556.629.847	180.556.629.847
Công ty TNHH PSI Việt Nam	1.671.890.669	1.671.890.669	4.961.561.498	4.961.561.498
Guangzhou Kinte Industrial	14.562.176.570	14.562.176.570	20.220.650.291	20.220.650.291
KUKDO CHEMICAL CO. LTD	5.115.564.312	5.115.564.312	12.681.535.525	12.681.535.525
ANHUI MEDIA NEW MATERIALS CO., LTD	3.405.520.874	3.405.520.874	4.422.701.253	4.422.701.253
Chugoku Marine Paint Singapore	10.538.610.116	10.538.610.116	13.795.189.271	13.795.189.271
SAMBWA PAINTS IND CO., LTD	62.049.256.483	62.049.256.483	44.454.929.681	44.454.929.681
Công ty cổ phần Sơn Dầu Khí Việt Nam	871.229.145	871.229.145	5.324.938.694	5.324.938.694
Alltex ThaiLand Ltd	-	-	1.994.174.012	1.994.174.012
Phải trả người bán ngắn hạn khác	77.303.349.282	77.303.349.282	73.100.949.622	73.100.949.622
Tổng	175.517.597.451	175.517.597.451	180.556.629.847	180.556.629.847
<i>Trong đó phải trả các bên liên quan (Chi tiết xem tại Thuyết minh 7.1)</i>	<i>871.229.145</i>	<i>871.229.145</i>	<i>5.324.938.694</i>	<i>5.324.938.694</i>

5.12 Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2022		31/12/2022	
	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm
Phải nộp	1.972.565.560	49.185.401.553	48.137.907.379	3.020.059.734
Thuế giá trị gia tăng	265.038.606	41.623.544.777	39.040.120.397	2.848.462.586
Thuế XNK	-	80.296.230	80.296.230	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.555.611.497	6.808.875.999	8.222.737.865	141.749.631
Thuế thu nhập cá nhân	131.165.938	299.745.062	412.759.000	18.152.000
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	260.613.462	260.613.462	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	20.749.519	112.326.023	121.380.425	11.695.117
Phải thu	19.513.992	5.842.803.220	6.192.056.666	369.567.438
Thuế XNK	19.513.992	1.947.726.862	1.940.093.979	11.881.109
Thuế thu nhập cá nhân	-	3.894.276.358	4.251.962.687	357.686.329

5.13 Chi phí phải trả

	31/12/2022		01/01/2022	
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	9.003.166.687	9.394.118.321	9.394.118.321	9.394.118.321
Chi phí sử dụng bản quyền phải trả CMP	3.983.428.186	6.461.883.359	6.461.883.359	6.461.883.359
Chi phí lãi vay	1.495.200.000	464.000.000	464.000.000	464.000.000
Trích trước chi phí vật tư, chi phí khác	1.561.880.593	1.251.880.593	1.251.880.593	1.251.880.593
Các khoản khác	53.000.000	-	-	-
Chi phí sử dụng bản quyền phải trả Samhwa	1.909.657.908	1.216.354.369	1.216.354.369	1.216.354.369
Tổng	9.003.166.687	9.394.118.321	9.394.118.321	9.394.118.321

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.14 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Ngắn hạn	15.743.802.100	16.635.827.768
Kinh phí công đoàn	433.707.398	457.008.319
Bảo hiểm xã hội	3.443.370	4.327.401
Phải trả cổ phần hóa	105.050.000	105.050.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	3.478.398.430	450.443.380
Phải trả, phải nộp khác	11.723.202.902	15.618.998.668
<i>Công Ty Cổ Phần Bao Bì VLC</i>	-	3.800.548
<i>Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV quốc tế Challenge - Chi nhánh Hà Nội</i>	1.735.023.530	2.886.311.612
<i>Góp vốn mua đầu thuyền</i>	7.434.500.000	7.434.500.000
<i>Các khoản phải trả phải nộp khác</i>	2.553.679.372	5.294.386.508
Tổng	15.743.802.100	16.635.827.768

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HẢI PHÒNG

Số 12 Lạch Tray, phường Lạch Tray,
quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.15 Vay và nợ thuê tài chính

Vay ngắn hạn
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Ngô Quyền (1)
Ngân Hàng TNHH CTBC - Chi nhánh HCM
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng (2)
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (USD) (3)
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (3)
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng (4)
Ngân hàng Hàng Leong (5)
Ngân hàng Sinopac (6)
Vay ngắn hạn các đối tượng khác (7)
Vay dài hạn
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế Challenge - Chi nhánh Hà Nội
Vay ngắn hạn các đối tượng khác
Vay đối tượng khác (Điều chỉnh do hợp nhất thành lý công ty con thành công ty liên kết)

Mẫu số B 09 - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

	31/12/2022 (VND)		Trung năm (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tổng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
539.433.344.182	539.433.344.182	1.111.285.154.600	978.458.234.999	406.598.424.501	406.598.424.501	
149.912.163.650	149.912.163.650	323.700.256.452	311.667.377.516	137.879.284.714	137.879.284.714	
-	-	33.693.464.881	55.163.803.933	21.470.339.052	21.470.339.052	
-	-	-	18.732.561.580	18.732.561.580	18.732.561.580	
156.772.691.667	156.772.691.667	223.371.534.427	186.155.406.764	119.556.564.004	119.556.564.004	
-	-	1.039.350	369.209.100	368.169.750	368.169.750	
17.409.981.420	17.409.981.420	25.770.734.720	14.997.998.700	6.637.245.400	6.637.245.400	
16.777.129.960	16.777.129.960	38.174.662.509	52.930.521.249	31.533.588.700	31.533.588.700	
49.853.578.666	49.853.578.666	178.066.423.045	172.267.941.326	44.055.096.947	44.055.096.947	
69.843.175.181	69.843.175.181	139.628.395.231	69.785.220.030	-	-	
45.445.496.039	45.445.496.039	91.266.805.622	45.821.309.583	-	-	
33.419.127.519	33.419.127.519	57.612.438.383	50.558.885.218	26.365.574.354	26.365.574.354	
31.644.694.645	31.644.694.645	28.995.701.653	38.763.962.556	41.412.958.348	41.412.958.348	
1.105.867.938	1.105.867.938	-	1.512.165.326	2.618.033.264	2.618.033.264	
30.538.826.707	30.538.826.707	28.995.701.653	35.837.465.580	37.380.590.634	37.380.590.634	
-	-	-	1.414.331.450	1.414.331.450	1.414.331.450	
571.078.038.747	571.078.038.747	1.140.289.856.253	1.017.214.197.355	448.011.379.849	448.011.379.849	

Tổng



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.16 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Số dư tại 01/01/2021	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Đơn vị tính: VND	
								Tổng	Tổng
Lãi trong năm trước	80.071.770.000	10.787.152.766	7.250.586.886	(467.410.000)	194.949.137.268	100.014.611.180	18.892.444.715	420.498.292.915	
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	97.469.769.103	66.890.654.650	4.336.963.375	71.227.618.025	
Chưa trả cổ tức	-	-	-	-	-	(57.469.769.103)	-	-	
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(23.881.308.000)	(398.638.751)	(23.881.308.000)	
Trích quỹ khen thưởng HĐQT	-	-	-	-	-	(18.187.972.548)	-	(18.586.611.299)	
Chi trả cổ tức Công ty con	-	-	-	-	-	(2.478.000.000)	-	(2.478.000.000)	
Tăng giảm vốn Công ty con mới	-	-	-	-	-	-	(2.336.490.000)	(2.336.490.000)	
Phân phối lợi nhuận Công ty con	-	-	-	-	-	-	1.000.000.000	1.000.000.000	
Bên lề (i)	-	-	-	-	-	(109.261.744)	-	(109.261.744)	
Truy thu thuế TNDN (Công ty con)	-	-	-	-	-	(34.450.508)	-	(34.450.508)	
Số dư tại 31/12/2021	80.071.770.000	10.787.152.766	7.250.586.886	(467.410.000)	252.418.906.471	73.744.523.927	21.574.269.339	445.379.899.389	
Số dư tại 01/01/2022	80.071.770.000	10.787.152.766	7.250.586.886	(467.410.000)	252.418.906.471	73.744.523.927	21.574.269.339	445.379.899.389	
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	32.743.559.569	309.921.533	33.083.481.122	
Trích quỹ đầu tư phát triển (i)	-	-	-	-	32.249.413.042	(32.249.413.042)	-	-	
Chưa trả cổ tức (i)	-	-	-	-	-	(23.881.308.000)	-	(23.881.308.000)	
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	-	-	-	-	-	(11.824.931.991)	(191.485.382)	(12.016.417.382)	
Trích quỹ khen thưởng HĐQT (i)	-	-	-	-	-	(1.679.665.000)	-	(1.679.665.000)	
Chi trả cổ tức công ty con (i)	-	-	-	-	-	-	(2.124.000.000)	(2.124.000.000)	
Tăng giảm vốn công ty con mới	-	-	-	-	-	-	-	-	
Phân phối lợi nhuận Công ty con mới (i)	-	-	-	-	-	-	-	-	
Bên lề (i)	-	-	-	-	-	(95.842.246)	-	(95.842.246)	
Thanh lý công ty con thành Công ty liên kết	-	-	-	-	-	(1.369.724.509)	(939.989.890)	(2.309.714.399)	
Thay đổi tỷ lệ sở hữu tại Công ty liên kết	-	-	-	-	-	3.124.508.794	-	3.124.508.794	
Số dư tại 31/12/2022	80.071.770.000	10.787.152.766	7.250.586.886	(467.410.000)	284.668.319.513	38.511.707.513	18.658.915.628	439.499.942.298	

(i): Trong năm Công ty và các Công ty con thực hiện phân phối theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông của Công ty mẹ và các Công ty con, Công ty liên kết.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.16 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Lưu Thị Phương Lan	3.172.430.000	3.172.430.000
Nguyễn Thị Xuân Dung	5.482.040.000	5.482.040.000
Nguyễn Văn Viện	6.151.420.000	6.151.420.000
AFC VF LIMITED	7.105.000.000	7.105.000.000
Các cổ đông khác	58.160.880.000	58.160.880.000
Tổng	80.071.770.000	80.071.770.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu năm	80.071.770.000	80.071.770.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	80.071.770.000	80.071.770.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	23.881.308.000	23.881.308.000

d. Cổ tức

Cổ tức công bố sau ngày kết thúc năm tài chính

Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông:

Năm 2022
Công ty thông báo tạm ứng cổ tức năm 2022 là 10%/vốn điều lệ

e. Cổ phiếu

	31/12/2022 Cổ phiếu	01/01/2022 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.007.177	8.007.177
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	46.741	46.741
Cổ phiếu phổ thông	46.741	46.741
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.960.436	7.960.436
Cổ phiếu phổ thông	7.960.436	7.960.436
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.17 Chỉ tiêu ngoài Bảng Cân đối kế toán hợp nhất

a. Ngoại tệ

	31/12/2022		01/01/2022	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	10.290,86	243.594.217	74.946,65	1.706.711.574
Tổng		243.594.217		1.706.711.574

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

6.1 Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	1.218.108.764.018	1.029.930.498.505
Doanh thu khác	-	1.278.958.200
Tổng	1.218.108.764.018	1.031.209.456.705

Các khoản giảm trừ doanh thu

Hàng bán bị trả lại	1.193.581.862	1.014.391.645
Tổng	1.193.581.862	1.014.391.645

Doanh thu thuần

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	1.216.915.182.156	1.028.916.106.860
Doanh thu khác	-	1.278.958.200
Tổng	1.216.915.182.156	1.030.195.065.060

*Trong đó doanh thu các bên liên quan
(Chỉ tiết xem tại thuyết minh 7.1)*

6.2 Giá vốn về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Giá vốn hàng hóa, thành phẩm	1.051.514.580.846	854.652.847.792
Hoàn nhập dự phòng vật tư	(298.687.602)	-
Giá vốn khác	-	1.250.036.137
Tổng	1.051.215.893.244	855.902.883.929

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	9.826.975.566	12.114.499.158
Cổ tức, lợi nhuận được chia	4.077.436.560	3.838.936.560
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	448.667.626	414.418.211
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	297.840.350	72.338.999
Doanh thu hoạt động tài chính khác	582.935.450	-
Tổng	15.233.855.552	16.440.192.928
<i>Trong đó doanh thu tài chính các bên liên quan (Chỉ tiết xem tại thuyết minh 7.1)</i>	<i>8.238.947.329</i>	<i>13.387.337.674</i>

6.4 Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lãi tiền vay	23.728.269.392	22.286.971.975
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	16.638.096.583	1.964.388.153
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	370.397	259.515.416
Chi phí hoạt động tài chính khác	17.441.355	-
Tổng	40.384.177.727	24.510.875.544

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

6.5 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí bán hàng	67.826.571.104	64.258.350.589
Chi phí nhân viên	14.104.505.377	14.218.223.451
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	-	-
Chi phí dùng cụ, đồ dùng	260.516.416	307.251.068
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.446.700.895	1.551.574.638
Chi phí dịch vụ mua ngoài	36.779.967.596	33.156.844.586
- Chi phí bốc xếp, vận chuyển	18.817.578.357	12.627.335.128
- Chi phí quảng cáo tiếp thị	10.003.883.292	9.484.289.450
- Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	7.958.505.947	11.045.220.008
Chi phí bằng tiền khác	15.234.880.820	15.024.456.846
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25.931.518.597	24.702.123.813
Chi phí nhân viên quản lý	11.659.121.892	13.260.014.328
Chi phí vật liệu quản lý	-	28.395.456
Chi phí đồ dùng văn phòng	605.655.347	708.269.382
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.127.477.748	1.084.930.910
Thuế phí và lệ phí	1.124.029.178	950.681.527
Chi phí dự phòng	-	1.137.310.657
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.146.714.456	1.232.720.533
Chi phí bằng tiền khác	8.383.519.976	6.552.625.548
Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	(115.000.000)	(252.824.528)
Hoàn nhập dự phòng phải thu	(115.000.000)	(252.824.528)
Tổng	93.758.089.701	88.960.474.402

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

6.6 Thu nhập khác/Chi phí khác

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Thu nhập khác		
Thu thanh lý, bán phế liệu, vật tư, công cụ	-	-
Thu chênh lệch kiểm kê	133.660.456	67.140.782
Thu từ bồi thường bảo hiểm cháy nổ kho B05	-	619.408.936
Thu cho thuê nhà văn phòng	84.000.000	84.000.000
Các khoản khác	155.073.384	-
Tổng	372.733.840	770.549.718
Chi phí khác		
Chi chi vật tư thiệt hại cháy nổ kho B05	-	261.888.356
Chênh lệch kiểm kê	117.609.363	-
Chi phí phạt truy thu thuế GTGT, TNDN	-	-
Chi phí khác	-	16.820.168
Tổng	117.609.363	278.708.524
Lợi nhuận khác	255.124.477	491.841.194
<i>Trong đó thu nhập khác các bên liên quan (Chi tiết xem tại thuyết minh 7.1)</i>	<i>84.000.000</i>	<i>84.000.000</i>

6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	6.808.875.999	4.299.503.039
Tổng	6.808.875.999	4.299.503.039

6.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2022 VND	Năm 2021 (Trình bày lại)
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty mẹ (VND)	32.743.559.569	66.890.654.650
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm (*)	-	(13.504.596.980)
- <i>Trích quỹ khen thưởng phúc lợi, Quỹ thưởng HĐQT</i>	-	<i>(13.504.596.980)</i>
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông công ty Mẹ sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	32.743.559.569	53.386.057.670
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	7.960.436	7.960.436
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	4.113	6.706

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

6.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Tiếp theo)

(i) Tại ngày Báo cáo, Công ty và các Công ty con chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 có thể được phân bổ vào Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng ban quản lý điều hành. Nếu trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng ban quản lý điều hành cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

(ii) Công ty xác định lại số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và thưởng ban điều hành cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 theo tỷ lệ phân phối lợi nhuận năm 2021 của Công ty đã được phê duyệt tại các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong năm 2022 của Công ty mẹ và Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng số 2 - Công ty con. Theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 được trình bày lại như sau:

	Năm 2021 (Trình bày lại)	Năm 2021 (Đã trình bày)	Chênh lệch
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty mẹ (VND)	66.890.654.650	66.890.654.650	-
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm (ii)	(13.504.596.980)	-	(13.504.596.980)
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi, Quỹ thưởng HĐQT	(13.504.596.980)	-	(13.504.596.980)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông công ty Mẹ sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	53.386.057.670	66.890.654.650	(13.504.596.980)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	7.960.436	7.960.436	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	6.706	8.403	(1.696)

6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	882.813.778.139	642.361.361.344
Chi phí nhân công	59.352.486.875	60.219.467.490
Chi phí khấu hao tài sản cố định	17.979.055.643	19.110.961.299
Chi phí dự phòng	(115.000.000)	555.303.223
Chi phí dịch vụ mua ngoài	55.105.470.215	47.759.970.250
Chi phí khác bằng tiền	28.434.099.227	26.198.853.448
Tổng	1.043.569.890.099	796.205.917.054

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan của Công ty:

Bên liên quan	Mối liên hệ
Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng số 2	Công ty con
Công ty TNHH Nhựa Phoenix	Công ty con
Công ty TNHH Sơn bột VLC	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Sơn Dầu khí Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty Giải pháp Sơn chuyên nghiệp PAINTPRO	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Tập đoàn VLC	Công ty liên kết
Công ty CP Bất động sản Sơn và Hóa chất Á Châu	Công ty liên kết
Công ty TNHH Sơn Samhwa Hải Phòng	Công ty liên doanh

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và các cá nhân có liên quan đến các thành viên quản lý chủ chốt

Trong năm, Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

Thu nhập của Ban Giám đốc, Thủ lao của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lương và thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	Lương và thù lao	1.612.000.000	2.387.185.500
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác	Lương	5.302.390.207	4.911.755.222

Trong đó:

Thù lao thành viên Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức danh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Nguyễn Văn Viện	Chủ tịch HĐQT	372.000.000	459.074.000
Nguyễn Văn Dũng	Phó Chủ tịch HĐQT	434.000.000	734.521.000
Vũ Trung Dũng	Thành viên HĐQT	186.000.000	275.444.000
Bùi Kim Ngọc	Thành viên HĐQT	186.000.000	275.444.000
Nguyễn Mạnh Lân	Thành viên HĐQT	186.000.000	275.444.000

Thù lao thành viên Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức danh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lê Quỳnh Chi	Trưởng BKS	124.000.000	183.629.500
Hoàng Thị Thu	Thành viên BKS	62.000.000	91.814.500
Nguyễn Thị Thanh Trâm	Thành viên BKS	62.000.000	91.814.500

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)

Tiền lương của TGD và người quản lý khác

Họ và tên	Chức danh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Nguyễn Văn Viện	Chủ tịch HĐQT	14.500.000	14.500.000
Nguyễn Mộng Lân	Thành viên HĐQT	11.000.000	11.000.000
Nguyễn Văn Dũng	Tổng Giám đốc	2.075.421.366	1.888.341.382
Vũ Trung Dũng	Phó Tổng Giám đốc	1.099.178.382	1.030.091.091
Bùi Kim Ngọc	Phó Tổng Giám đốc	1.135.645.843	1.040.181.865
Lê Quỳnh Chi	Trưởng BKS	11.000.000	11.000.000
Hoàng Thị Thu	Thành viên BKS	694.702.081	660.869.082
Nguyễn Thị Thanh Trâm	Thành viên BKS	260.942.535	255.771.802

Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Bán hàng hóa và dịch vụ		313.011.339.630	135.733.161.751
Công ty Cổ phần Sơn Dầu khí Việt Nam	Bán hàng hóa	13.966.490.866	10.422.165.860
Công ty TNHH Sơn Sankwa Hải Phòng	Bán hàng	298.960.848.764	125.226.995.891
	Thuê văn phòng	84.000.000	84.000.000
Mua hàng hóa và dịch vụ		20.978.683.814	17.303.042.381
Công ty TNHH Sơn Sankwa Hải Phòng	Mua hàng	784.634.582	898.420.032
Công ty Cổ phần Sơn Dầu khí Việt Nam	Mua hàng	20.194.049.232	16.404.622.349
Chia lãi Công ty con, liên doanh		-	674.220.000
Công ty Cổ phần Sơn Dầu khí Việt Nam	Cổ tức	-	674.220.000
Giao dịch khác		8.238.947.329	12.713.117.674
Công ty CP Bất động sản Sơn và Hóa chất Á Châu	Lãi đầu tư	8.238.947.329	12.713.117.674

Số dư với các bên liên quan

Các khoản phải thu	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Phải thu khách hàng	81.692.391.164	75.809.382.582
Công ty Cổ phần Sơn Dầu khí Việt Nam	-	696.786.647
Công ty TNHH Sơn Sankwa Hải Phòng	81.692.391.164	75.112.595.935
Phải thu khác	23.330.529.252	13.387.337.674
Công ty Cổ phần Sơn Dầu khí Việt Nam	674.220.000	674.220.000
Công ty CP Bất động sản Sơn và Hóa chất Á Châu	22.656.309.252	12.713.117.674
Các khoản phải trả	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Phải trả người bán	871.229.145	5.324.938.694
Công ty Cổ phần Sơn Dầu khí Việt Nam	871.229.145	5.324.938.694
Người mua ứng tiền trước	1.815.544.631	-
Công ty Cổ phần Sơn Dầu khí Việt Nam	1.815.544.631	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

7.2 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

Hải Phòng, ngày 24 tháng 3 năm 2023

Người lập

Phó Trưởng phòng TCKT

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Dũng

Đoàn Thị Dung

Đoàn Thị Dung